**BÀI 3: CỘI NGUỒN YÊU THƯƠNG**

**MỤC TIÊU**

***1. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc xem video bài giảng, đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập của giáo viên giao cho trước khi tới lớp.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong thực hành tiếng Việt.

***\* Năng lực đặc thù***

- Nhận biết được tính cách nhân vật; nhận biết và nêu được tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện trong một truyện kể.

- Thể hiện được thái độ đối với cách giải quyết vấn đề của tác giả trong truyện.

- Nhận biết được đặc điểm của số từ, phó từ và hiểu được chức năng của các từ loại này để sử dụng đúng và hiệu quả.

- Bước đầu biết viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

***2. Về phẩm chất:*** Bồi đắp, trân trọng tình yêu thương.

**THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ.

- Video về tình yêu thương

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề**

**a. Mục tiêu**: HS xác định được nội dung chính của bài đọc – hiểu dựa trên những ngữ liệu của phần khởi động.

**b. Nội dung**:

**GV**tổ chức cho học sinh xem video về tình yêu thương và nêu suy nghĩ, cảm nhận của bản thân sau khi xem vieo.

**HS** chú ý quan sát, lắng nghe, suy ngẫm và nêu cảm nhận.

**GV** kết nối với nội dung của văn bản đọc – hiểu.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV cho HS xem video và đặt câu hỏi:

Em hãy xem vieo sau và nêu cảm nhận của bản thân sau khi xem.

Link video: https://www.youtube.com/watch?v=ZHn1\_ybI\_3s

**Thực hiện nhiệm vụ**

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân, chú ý quan sát, lắng nghe và cảm nhận.

**Báo cáo, thảo luận**

**GV**khuyến khích HS giơ tay phát biểu cảm nhận.

**HS** nêu cảm nhận sau khi xem xong video.

**Kết luận, nhận định**

- GV gợi dẫn, tạo cảm hứng đến HS chuẩn bị vào bài học mới.

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

**2.1 Đọc – hiểu văn bản**

**TRI THỨC ĐỌC – HIỂU**

**a. Mục tiêu:** HS bước đầu nắm được thế nào là thay đổi kiểu người kể chuyện và tác dụng của nó.

**b. Nội dung:** GV giới thiệu, dẫn dắt, yêu cầu HS thực hiện một số nhiệm vụ học tập để nắm được kiến thức cơ bản về thay đổi kiểu người kể chuyện.

**c. Sản phẩm:** Kết quả làm việc của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS theo dõi SGK, đọc thầm phần tri thức ngữ văn về *Thay đổi kiểu người kể chuyện*(Tr.58) và trả lời câu hỏi:  1. Thế nào là thay đổi kiểu người kể chuyện?  2. Tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện?  3. Em đã từng đọc văn bản nào sử dụng việc thay đổi kiểu người kể chuyện chưa? Hãy chia sẻ một vài ví dụ?  **Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS làm việc cặp đôi, suy nghĩ và trao đổi, tìm ra câu trả lời.  **Báo cáo, thảo luận:**  - Đại diện 1-2 cặp đôi trình bày phần tìm hiểu của nhóm mình  - Các bạn khác chú ý lắng nghe, chuẩn bị câu hỏi hoặc nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Kết luận, nhận định:**  - HS nhận xét, đánh giá, bổ sung cho câu trả lời của bạn.  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  - HS ghi bài. | **Thay đổi kiểu người kể chuyện**  - Trong một truyện kể, nhà văn có thể sử dụng nhiều ngôi kể khác nhau. Có tác phẩm sử dụng hai, ba người kể chuyện ngôi thứ nhất; có tác phẩm lại kết hợp người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.  - Sự thay đổi kiểu người kể chuyện luôn thể hiện ý đồ nghệ thuật của tác giả. Mỗi ngôi kể thường mang đến một cách nhìn nhận, đánh giá riêng, khiến câu chuyện được soi chiếu từ nhiều chiều, trở nên phong phú, hấp dẫn, chứa đựng nhiều ý nghĩa. |

**3. HĐ 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** HS dựa vào những kiến thức đã được tìm hiểu, trả lời các câu hỏi GV đưa ra.

**b. Nội dung:** GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Mèo đuổi chuột”

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS khi tham gia trò chơi.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Hệ thống câu hỏi trong trò chơi:**

Câu 1. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: Trong một truyện kể, nhà văn có thể sử dụng nhiều…khác nhau.

Câu 2: Có mấy cách thay đổi kiểu người kể chuyện?

Câu 3: Có mấy ngôi kể thường được sử dụng trong tác phẩm truyện? Đó là những ngôi kể nào?

Câu 4: Điền vào chỗ trống: “Sự thay đổi … luôn thể hiện ý đồ nghệ thuật của tác giả”.

Câu 5: Người kể chuyện xưng tôi là ngôi kể nào?

Câu 6: Mỗi ngôi kể trong truyện thường mang đến cách nhìn nhận, đánh giá riêng. Đúng hay sai?

Câu 7: Trong một tác phẩm truyện, tác giả có thể sử dụng nhiều ngôi kể khác nhau, có tác phẩm sử dụng hai, ba ngôi kể thứ ba. Đúng hay sai?

Câu 8: Sự thay đổi kiểu người kể chuyện khiến câu chuyện được soi chiếu từ nhiều chiều, trở nên phong phú, hấp dẫn, chứa đựng nhiều ý nghĩa. Đúng hay sai?

**4. HĐ 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** HS dựa vào những kiến thức đã được tìm hiểu, phát hiện, sưu tầm được những tác phẩm truyện có sử dụng sự thay đổi kiểu người kể chuyện.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS sưu tầm và đọc những tác phẩm văn học có sử dụng sự thay đổi kiểu người kể chuyện.

**c. Sản phẩm:**Những tác phẩm học sinh sưu tầm được.

**d. Tổ chức thực hiện:**HS thực hiện ở nhà.

.

**-----------------------**

**BÀI 3:**

**CỘI NGUỒN YÊU THƯƠNG**

**Tình yêu thương là câu trả lời cho mọi thứ**

**( Ray Bradbury)**

**Đọc văn bản: VỪA NHẮM MẮT VỪA MỞ CỬA SỔ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a, Năng lực đặc thù**

**-** Nhận biết được tính cách nhân vật. Biết cách nhận xét đánh giá nhân vật trong tác phẩm truyện (1)

- Nhận biết được chủ đề của văn bản. (2)

- Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn. (3)

- Nhận thức được cội nguồn yêu thương làm điểm tựa để con người hạnh phúc và luôn vững vàng trên hành trình trưởng thànhở mọi thời đại, biết trân trọng cảm phục những người sống biết yêu thương. (4)

**b, Năng lực chung**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.(5)

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu được nội dung của chủ đề. (6)

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp. (7)

**2, Phẩm chất**

- Nhân ái: Có thái độ cảm thông, giúp đỡ những người nghèo khổ, bất hạnh. (8)

- Trung thực: Biết lên án thói xấu trong xã hội. (9)

- Trách nhiệm: Luôn có ý thức rèn luyện bản thân để có lối sống tích cực, hướng thiện. (10)

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề (5’)**

**a. Mục tiêu**: HS xác định được nội dung chính của bài đọc – hiểu dựa trên những câu hỏi của phần khởi động.

**b. Nội dung**:

**GV** tổ chức cho học sinh trả lời câu hỏi phần trước khi đọc

**HS** trả lời câu hỏi

**GV** kết nối với nội dung của văn bản đọc – hiểu.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

**d. Tổ chức thực hiện**:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) **Kể tên các loài hoa mà em biết. Em có thể nhận ra chúng bằng cách nào?**

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ và chia sẻ

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV chỉ định học sinh trả lời

- HS chia sẻ

B4: Kết luận, nhận định (GV):

- Nhận xét câu trả lời của học sinh

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới (…’)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN** | | | |
| **Mục tiêu**: (2), (3), (5), (6), (7)  **Nội dung**: HS thuyết trình . | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ:  Qua sự chuẩn bị phiếu học tập ở nhà, các nhóm lên thuyết trình về tác giả?   |  | | --- | | Phiếu học tập 1:  Tác giả: Nguyễn Ngọc Thuần  ……………………………………………………………………………………………………………… |   B2: Thực hiện nhiệm vụ  - Hs tìm hiểu thông tin về tác giả  B3: Báo cáo, thảo luận  - HS thuyết trình  - Các bạn lắng nghe và bổ sung  - Gv gợi và quan sát học sinh.  B4: Kết luận, nhận định  - Gv nhận xét, chốt kiến thức  - Chuyển dẫn mục sau  **2. Tác phẩm**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  a. Đọc  - Hướng dẫn đọc nhanh.  + Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát.  + Thể hiện rõ lời thoại tôi và bố cùng các nhân vật khác  - Hướng dẫn cách đọc chậm (đọc theo thẻ).  + Đọc thẻ trước, viết dự đoán ra giấy.  + Đọc văn bản và đối chiếu với sản phẩm dự đoán.  - Cho học sinh thực hành đọc văn bản theo hướng dẫn.  b, Tìm hiểu chung  Yêu cầu HS quan sát phiếu học tập số 2 đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi:   |  |  | | --- | --- | | Xuất xứ |  | | Thể loại |  | | Ngôi kể |  | | Người kể chuyện |  | | Nhân vật |  | | Bố cục |  |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**  1. Hướng dẫn HS cách đọc và tóm tắt.  2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:** 1. Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc.  2. Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:**  - Trả lời các câu hỏi của GV.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái đọc tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau. | **1. Tác giả**  **Nguyễn Ngọc Thuần** (1972) quê ở Tân Thiện - Hàm Tân, Bình Thuận, là một nhà văn trẻ đầy triển vọng trên địa hạt văn xuôi đương đại, là thành viên của Hội nhà văn Việt Nam.  - Chuyên sáng tác cho trẻ em  - Có cái nhìn tinh tế về thế giới trẻ thơ với thế giới trong trẻo, tươi mới và đầy chất thơ  - Tác phẩm tiêu biểu: ***Giăng giăng tơ nhện***, giải thưởng Văn học tuổi hai mươi lần II.  - ***Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ***, NXB Trẻ 2000, giải nhất cuộc thi Văn học Thiếu nhi lần III, giải Peter Pan (giải thưởng của Thụy Điển dành cho tác phẩm thiếu nhi hay nhất).  - ***Một thiên nằm mộng***, NXB Kim Đồng 2002, giải A cuộc vận động sáng tác Thiếu nhi 2003 - ***Nhện ảo***, NXB Kim Đồng 2003  - ***Trên đồi cao chăn bầy thiên sứ***, giải B (không có giải A), sáng tác văn học dành cho Tuổi trẻ (NXB Thanh niên và báo Văn nghệ).  - ***Cha và con và...tàu bay*** - 2005.  **2. Tác phẩm**  a) Đọc và tóm tắt  - Cách đọc  - Tóm tắt: Nhà của tôi có một khu vườn rộng. Bố trồng rất nhiều hoa. Buổi chiều ra đồng về, hai bố con ra vườn thi nhau tưới. Bố thường bảo tôi nhắm mắt lại, sau đó dẫn tôi đi chạm từng bông hoa một rồi đoán xem đó là hoa gì. Tôi đã thuộc làu làu, chạm loài nào đều đoán tên được loài đó. Khi Tý đem tặng bố những trái ổi to mềm, bố rất trân trọng dù bố ít khi ăn ổi. Tôi nhận ra đó là vẻ đẹp của món quà mình cho đi hay mình được nhận. Tôi nhận ra khu vườn, người bố là món quà to lớn, quý giá của cuộc đời cậu. Sau đó, bố lại nghĩ ra một trò chơi khác, thay vì chạm thì bây giờ nhân vật tôi chỉ được ngửi rồi gọi tên. Khi đã thuần thục, bố khen cậu là người có chiếc mũi tuyệt nhất thế giới. Lúc đó, cậu nhận ra rằng chính những bông hoa là người đưa đường, dẫn lối cho cậu trong khu vườn.  **b, Tìm hiểu chung**  **\* Xuất xứ**: Đoạn trích rút từ chương 5 của tập truyện: *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*, đạt giải nhất cuộc thi Văn học Thiếu nhi lần III, giải Peter Pan (giải thưởng của Thụy Điển dành cho tác phẩm thiếu nhi hay nhất).  **\* Thể loại:** Truyện ngắn  **\* Ngôi kể:** Ngôi thứ nhất.  \* **Người kể chuyện**: xưng “tôi”- Cậu bé Dũng- 10 tuổi  - Nhân vật:  + Chính: Tôi, bố  + Phụ: Tí, chú Hùng  \* **Bố cục:**2 phần  **-** P1: *Từ đầu đến “ Cháu có con mắt thần” :* Bố dạy “ tôi” cách nhắm mắt đoán các loài hoa trong vườn  **-** P2: *còn lại*: Bố dạy “ tôi” cách đón nhận, trân trọng tình cảm của mọi người xung quanh | | |
| **II. ĐỌC & TÌM HIỂU CHI TIẾT VB (…’)** | | | |
| **1. Nhân vật “tôi”** | | | |
| **Mục tiêu**: (1)-> (8)  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT đặt câu hỏi, KT mảnh ghép để HS tìm hiểu về nhân vật “ tôi”  **HS** làm việc cá nhân, thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm. | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  \* Vòng 1: Gv chia 3 nhóm nêu câu hỏi theo phiếu học tập 3 để HS thảo luận và trả lời  - Nhóm 1: Tìm những chi tiết thể hiện khả năng đặc biệt của nhân vật “ tôi”. Nhờ đâu mà “tôi” có năng lực đó?  Phiếu học tập 3   |  |  | | --- | --- | | Những chi tiết thể hiện khả năng đặc biệt của “ tôi” | Nhờ đâu mà tôi có năng lực đó | |  |  | |  |  |   - Nhóm 2: Tìm các chi tiết thể hiện cảm xúc suy nghĩ của nhân vật tôi về bố và Tí?  Phiếu học tập 4   |  |  | | --- | --- | | Cảm xúc, suy nghĩ của tôi về bố | Cảm xúc, suy nghĩ của tôi về Tí | |  |  |   - Nhóm 3: Những điều thú vị tôi cảm nhận được khi “vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ? Ý nghĩa của những điều bí mật đó  Phiếu học tập 5:   |  |  | | --- | --- | | Những điều bí mật khi “vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ | Nhận xét | |  |  |   \* Vòng 2: HS thảo luận trả lời câu hỏi:  Phiếu học tập 6   |  | | --- | | Nhận xét về nhân vật “ tôi” |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Quan sát những chi tiết trong SGK  **Các nhóm thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 10 phút.**  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.  - Các nhóm còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.  Tác giả Nguyễn Ngọc Thuần đã xây dựng hình ảnh nhân vật một cậu bé mười tuổi, sống ở nông thôn, và không hề có bất kỳ dấu chân nào của người khổng lồ internet ghé ngang. Điều hấp dẫn rất riêng của truyện là những câu thoại ngô nghê trong sáng, lại rất dí dỏm và ấm áp. Cậu có một gia đình tuyệt vời, nơi ấy, bố đã dạy cậu điều tuyệt vời nhất, bố dẫn cậu ra vườn bảo cậu nhắm mắt, rồi hướng dẫn cậu chạm vào từng bông hoa và đoán tên, lúc đầu cậu toàn đoán sai, bố nói không sao cả, dần dần con sẽ đoán đúng, mà thật vậy, từng ngày rồi từng ngày, cậu đã đoán đúng tên từng bông hoa trong vườn, rồi bố lại bày cậu tập đoán khoảng cách đến bông hoa, cậu thích chí mỗi khi đoán đúng, cậu đoán chính xác khoảng cách đến nỗi chú Hùng hàng xóm phải thốt lên “Thật không thể tin nổi, cháu có con mắt thần”. Cậu bé tự kể lại câu chuyện của mình một cách nhẹ nhàng nhưng đầy những cảm xúc hân hoan, hồ hởi khi trải nghiệm cùng bố qua những trò chơi nhỏ trong vườn. Nếu bố là một người tuyệt vời khi dạy con những bài học quý giá thì cậu bé là một đứa trẻ ngoan khi biết lắng nghe, lĩnh hội những điều hay mà bố cậu truyền dạy. Từ bài học của bố, cậu biết yêu những bông hoa, hiểu rằng món quà nào cũng đẹp và mỗi chúng ta phải biết ơn người trao tặng. Có ai đó đã từng nói rằng “người biết yêu thương cỏ cây, động vật là người mang trong mình hạt mầm của lòng nhân ái”. Đúng như vậy, với những bài học quý giá của bố, rồi đây cậu bé sẽ trở thành người tốt và có nếp sống đẹp. Qua hình ảnh nhân vật “tôi”, tác giả đã gửi gắm đến chúng ta bài học về sự biết ơn và yêu thương trong cuộc sống. Tình yêu thương sẽ khiến cho chúng ta hạnh phúc hơn mỗi ngày. | | | **a. Những khả năng đặc biệt của “tôi”**  **\* Có cách nhìn đặc biệt**  **Nhận ra những bông hoa trong vườn không phải bằng mắt mà bằng cách ngửi mùi hương của hoa và cảm nhận từ đôi bàn tay**  **“**Tôi có thể chạm bất cứ loại cây nào và nói đúng tên của nó”  “Tôi có thể vừa nhắm vừa đi mà không chạm vào vật gì”  **“**tôi nhận diện được tất cả mùi hương của các loài hoa”  “Tôi còn phân biệt đồng một lúc những hoa gì đang nở. Bố nói tôi có cái mũi tuyệt nhất thế giới!”  “Chú hùng nói: Thật không thể tin nổi, cháu có con mắt thần”  **\* Lắng nghe âm thanh tài tình**  “Bây giờ, khi đang còn vùi đầu trong mền, tôi vẫn biết bố đang cách xa tôi bao nhiêu mét khi chỉ cần nghe tiếng bước chân”  Biết chính xác tiến kêu cứu của bạn Tí vang lên từ bờ sông: “Mọi người nhìn quanh, không biết tiếng hét xuất phát từ hướng nào. Nhưng tôi đã nói ngay:  - Cách đây khoảng ba chục mét, hướng này!”  \* Khả năng đặc biệt của tôi được hình thành nhờ những trải nghiệm tuổi thơ thú vị cùng người cha bên khu vườn quen thuộc của mình và nhờ luyện tập  b. Cảm xúc suy nghĩ về Bố và Tí  Nhân vật người bố được kể qua cảm nhận cua nhân vật “ tôi”. Việc lựa chọn người kể chuyện trong đoạn trích vừa có tác dụng miêu tả tính cách của nhân vật người bô vừa thể hiện được tình cảm của nhân vật “tôi”.  \* Về bố:  Đón nhận những cử chỉ chăm sóc của bó với lòng biết ơn  Tôi tin bố. Tôi hay gọi tên bố chỉ để nghe âm thanh.  Bố là món quà bự nhất của tôi  \*Về Tí:  - Coi Tí là người bạn thân nhất, sẵn sàng chia sẻ với bạn bí mật ngọt ngào, hạnh phúc của hai bố con;  - Thấy tên bạn Tí đẹp và hay hơn mọi ầm thanh, thích gọi bạn để được nghe cái tên ấy vang lên.  c. Những “bí mật” tôi cảm nhận được khi “vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ  - Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ, và bạn chợt hiểu khu vườn nói gì. Bạn hiểu bây giờ là mùa gì và bông hoa nào đang nở, tên gì. Từng tiếng bước chân trong vườn, bạn biết chính xác người có bước chân đó cách xa bạn bao nhiêu mét. Bạn còn biết tiếng chân đó là của ai, bố hay mẹ.   * Khi “vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ”, nhân vật “tôi” không chỉ thấy những bông hoa thơm hơn mà còn “nhìn” thấy nguyên cả khu vuờn, cả bông hồng ngay trong đêm tối,...   - Những “bí mật” ấy đã mang lại niềm vui, hạnh phúc cho cuộc sống hằng ngày và làm giàu có tâm hồn của nhân vật “tôi”.  => Nhân vật “ tôi” cảm nhận thế giới tự nhiên một cách tinh tế, biết trân trọng vẻ đẹp của thế giới tự nhiên. Cậu tinh tế,nhạy cảm,biết quan tâm và yêu thương |
| **2. Nhân vật người bố** | | | |
| **Mục tiêu**: (1)-> (8)  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT đặt câu hỏi, KT thảo luận cặp đôi để HS tìm hiểu về nhân vật người bố  **HS** làm việc cá nhân, thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm. | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | | **Sản phẩm** |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ:  - Chia nhóm cặp đôi.  - Phát phiếu học tập và giao nhiệm vụ cho các nhóm  **PHIẾU HỌC TẬP 7**  1. Nhân vật người bố được miêu tả chủ yếu qua lời kể của nhân vật nào, việc lựa chọn người kể chuyện như vậy có tác dụng gì?  2. Bố đã làm những việc gì cho tôi, ý nghĩa những việc làm đó.  3. Sự hấp dẫn từ những trò chơi mà bố nghĩ ra   |  |  | | --- | --- | | Trò chơi | Cách chơi | |  |  | |  |  | |  |  | |  |  | |  | |   4. Nhận xét tình cảm của bố dành cho “tôi”  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: làm việc cá nhân, làm việc nhóm cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ học tập.  **GV**:  - **Dự kiến KK**: HS khó xác định đủ các ý chính  - **Tháo gỡ KK** bằng cách đặt câu hỏi phụ (Bố đã trồng và chăm sóc hoa với tôi ra sao?  Bố đã nghĩ ra trò chơi gì với tôi?  Nhận xét về các trò chơi đó  Bố còn nói về ý nghĩa của những cái tên ra sao?  Bố đã nới gì với con về những món quà ).  B3: Báo cáo, thảo luận  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS** - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm cặp đôi khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc, ý kiến nhận xét và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang nội dung sau.  B3: Báo cáo, thảo luận  B4: Kết luận, nhận định  Người bố đã dành trọn thời gian sau những buổi làm việc để chơi cùng con trai và dạy con những bài học nhỏ bé trong cuộc sống. Bố trồng nhiều hoa trong khu vườn, dạy cậu bé nhận biết các loài hoa, bố còn làm bình tưới để cậu bé tự chăm sóc những bông hoa nhỏ. Có thể thấy, đây là hình ảnh một người bố tuyệt vời trong cách nuôi dạy con trẻ. Giữa thời đại quá nhiều lo toan, bận bịu và cám dỗ, con người thường dễ quên đi những điều gần gũi quanh mình. Người bố trong câu chuyện không những quan tâm con, mà ông còn dạy con bài học về sự yêu thương và biết ơn trong cuộc sống. Ông nâng niu từng bông hoa bé nhỏ. Ông đã dạy dỗ con trai những bài học cần thiết trong cuộc đời và cũng là tấm gương cho bạn đọc soi chiếu, nhìn lại chính mình. Đó là những bài học mà người lớn nhiều khi vô tình lãng quên đi – bài học về tình yêu con trẻ và sự quan tâm đến vạn vật quanh mình.  B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giao phiếu học tập   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP 8** | | | Tìm những chi tiết thể hiện tình cảm mà bố dành cho Tí |  | | Qua những chi tiết đó đã giúp thể hiện điều gì về bố |  |   ? B2: Thực hiện nhiệm vụ  Học sinh đọc văn bản và hoàn thiện phiếu học tập  B3: Báo cáo, thảo luận  Hs trả lời câu hỏi  B4: Kết luận, nhận định | | | **a. Tình cảm của bố với “ tôi”**  **-** Bố trồng nhiều hoa. bố thường dẫn tôi ra vườn, hai bố con thi nhau tưới. Bố làm cho tôi một bình tưới nhỏ bằng cái thùng đựng sơn rất vừa tay. Bố lại lấy hộp lon gò thành cái vòi sen nữa.  - Bố nghĩ ra những trò chơi thú vị   |  |  | | --- | --- | | Trò chơi | Cách chơi | | **Trò chơi đoán tên các loài hoa** | con nhắm mắt lại và chạm từng bông hoa | | **Trò chơi nhắm mắt để tìm kiếm một vật** | Nhắm mắt vẫn có thể đi mà không chạm vật gì, vẫn biết được bố đứng cách mình bao xa. | | **Trò chơi ngửi rồi gọi tên các loài hoa** | Con nhắm mắt cảm nhận được mùi của các loài hoa | | **Nhận xét:**  - Các trò chơi ngày càng khó hơn, tạo ra được sự hấp dẫn với đứa con.  - Người bố luôn theo dõi, động viên, khích lệ dể đứa con tiến bộ hơn.  + Người bố muốn con được trải nghiệm từ thực tế cuộc sống để hình thành thói quen, sự gắn bó và biết trân trọng, nâng niu những giá trị của cuộc sống, cho dù là điều nhỏ nhất.  + Những bài học sâu sắc từ cuộc sống, biết yêu thương, lắng nghe và thấu hiểu từ thiên nhiên, biết trân trọng mọi thứ xung quanh mình | |   **- Nói về ý nghĩa những cái tên:** Bố tôi nói, mỗi cái tên là một âm thanh tuyệt diệu. Người càng thân với mình bao nhiêu thì âm thanh đó càng tuyệt diệu bấy nhiêu.  **- Nói về ý nghĩa những món quà:** Một món quà bao giờ cũng đẹp. Khi ta nhận hay cho một món quà, ta cũng đẹp lây vì món quà đó - Bố còn nói thêm - Một nụ hôn cũng là một món quà sang trọng. Một giấc ngủ của tôi cũng chính là một món quà, cả con người tôi đều là món quà cho bố.  **-> Biết cho và nhận những món quà cũng là cách thể hiện nét đẹp phẩm chất của mình**  **=>** Một người cha rất yêu thương con, luôn quan tâm, gần gũi với con  b, Tình cảm với “Tí”  - Yêu thương Tí: Bố không ngần ngại cứu Tí dưới sông, bố cõng tôi và Tí trên vai, bố làm xuồng để cả hai cưỡi trên lưng  - Trân trọng nâng niu món quà của Tí  Bố tôi ít khi nào ăn ổi, nhưng vì nó, bố ăn.  => Bố có trái tim giàu yêu thương và nhân hậu |
| **III. TỔNG KẾT (…’)** | | | |
| **Mục tiêu**: - HS tự rút ra được đặc sắc về nghệ thuật, nội dung ý nghĩa của truyện *“Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ”.*  **b.** **Nội dung hoạt động**:  - GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi  - HS làm việc cá nhân để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật tác phẩm. | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ:  **Phiếu học tập 8**   |  |  | | --- | --- | | Nhận xét nghệ thuật được sử dụng trong văn bản? |  | | Nội dung chính và ý nghĩa của văn bản *“Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ”.* |  |   B2: Thực hiện nhiệm vụ  **HS** suy nghĩ cá nhân và ghi câu trả lời ra giấy.  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS làm việc cá nhân, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** báo cáo kết quả làm việc cá nhân, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).  **GV** hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các HS.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS.  - Chốt nội dung phần tổng kết lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung sau. | | **1. Nghệ thuật**   * Ngôi kể: ngôi thứ nhất. * Ngôn ngữ: mộc mạc, tự nhiên, chân thành. * Cách kể chuyện sinh động, hấp dẫn.   **2. Nội dung**  Truyện kể về những trò chơi của người bố và đứa con. Qua đó, người cha đã dạy cho đứa con cách yêu thương, trân trọng thiên nhiên và nâng niu những món quà từ cuộc sống.  **Ý nghĩa**  Hãy nhắm mắt và mở lòng - mở cánh cửa của chính mình - hãy nhìn cuộc sống bằng tất cả các giác quan để cảm nhận, để thấu hiểu, để yêu thương, để quan tâm và để nhớ | |

**3. HĐ 3: Viết kết nối với đọc ( )**

**a) Mục tiêu: (4), (5)**

**b) Nội dung:**

**HS viết đoạn văn**

**c) Sản phẩm**

**Đoạn văn của học sinh đã được chỉnh sửa**

**d) Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Viết đoạn văn khoảng 5-7 câu về một món quà mà em yêu thích

B2: Thực hiện nhiệm vụ

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS viết đoạn văn, GV theo dõi, hỗ trợ (nếu cần).

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS đọc đoạn văn, những HS khác theo dõi, nhận xét…

**B4: Kết luận, nhận định (**GV)

- Nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

Gợi ý viết:

Yêu cầu:

- Hình thức: Đoạn văn 5-7 câu

- Nội dung:

Đó là món quà gì? Của ai

Em được nhận khi nào

Điều gì khiến em đặc biệt yêu thích món quà đó

Món quà có ý nghĩa thế nào với em

**--------------------------**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT : SỐ TỪ**

**a. Mục tiêu:**HS nhận biết được đặc điểm của số từ và hiểu được chức năng của số từ để sử dụng đúng và hiệu quả trong các hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

**b. Nội dung:**GV gợi dẫn, yêu cầu HS thực hiện các nhiệm vụ học tập để từ đó nắm được những kiến thức cơ bản về số từ.

**c. Sản phẩm:**Kết quả làm việc của HS thông qua các hoạt động học tập làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS thực hiện các nhiệm vụ học tập sau:  1. Đặc điểm cơ bản của số từ?  2. Có mấy loại số từ? Kể tên và nêu đậc điểm của các loại số từ đó?  **Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thảo luận nhóm bàn, nghiên cứu SGK phần Tri thức tiếng Việt và thống nhất câu trả lời.  **Báo cáo, thảo luận:**  - Đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày câu trả lời.  - HS khác chú ý theo dõi, chuẩn bị nhận xét.  **Kết luận, nhận định:**  - HS nhận xét, bổ sung câu trả lời cho nhóm bạn.  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  - HS ghi bài.  **Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS trả lời các bài tập trong SGK. (từ BT1 đến BT 4)  **Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS làm việc nhóm tổ, thảo luận, thống nhất câu trả lời.  **Báo cáo, thảo luận:**  - Đại diện mỗi nhóm lên trình bày câu trả lời.  - Các HS khác chú ý lắng nghe, quan sát, đối chiếu, chuẩn bị nhận xét.  **Kết luận, nhận định:**  - HS nhận xét câu trả lời của bạn.  - GV nhận xét, đánh giá thái độ và kết quả làm việc của HS.  - GV chốt kiến thức  - HS ghi bài. | **1. Lý thuyết (tri thức tiếng Việt)**  **Số từ**  - Đặc điểm cơ bản: Số từ là những từ chỉ số lượng hoặc thứ tự của sự vật.  - Phân loại: Số từ có thể được phân chia thành hai nhóm:  + Số từ chỉ lượng đứng trước danh từ, gồm số từ chỉ số lượng xác định (ví dụ: bốn quyển vở, năm học sinh,…) và số từ chỉ số lượng ước chừng (ví dụ: vài con cá, dăm cuốn sách, dăm bảy người, ba bốn trường,…).  + Số từ chỉ thứ tự thường kết hợp với các từ *thứ, hạnh, loại, số,* đứng sau danh từ trung tâm, thể hiện thứ tự của sự vật được nêu ở danh từ trung tâm.  - Lưu ý: Cần phân biệt số từ với danh từ chỉ đơn vị gắn với ý nghĩa số lượng như: đôi, chục, tá,… Các từ này tuy cũng có ý nghĩa số lượng, nhưng có đặc điểm ngữ pháp của danh từ: có thể kết hợp với số từ ở trước và từ chỉ định ở sau. Ví dụ: *hai chục (trứng) này, ba đôi (tất) ấy,…*  **2. Thực hành tiếng Việt**  **Bài tập 1**  Số từ (từ in đậm) trong các câu là:  *a. hai bố con*  *b. một bình tưới*  *c. ba chục mét*  **Bài tập 2**  Số từ (từ in đậm) trong các câu là:  *a. mấy phút*  *b. vài ngày*  *c. một hai hôm*  **Bài tập 3**  Từ *Sáu* trong cầu là danh từ riêng chỉ tên một người. lền *Sáu* có lẽ được đặt theo thứ tự người con trong gia đình. Ở miền Nam, người con cả trong gia đình thường được gọi là Hai. Bà Sáu có thể là người con thứ năm trong gia đình. Vì thế, trong trường hợp này, số từ chỉ thứ tự đã được chuyển thành danh từ riêng nên phải viết hoa.  **Bài tập 4**  *Hai mắt - đôi mắt, hai tay - đôi tay, hai tai - đôi tai, hai cái sừng - đôi sừng hai chiếc đũa - đôi đũa.*  *- hai* là số từ chỉ số lượng, dùng để đếm các sự vật.  *- đôi* là danh từ chỉ một tập hợp sự vật có hai yếu tố cùng loại, tương ứng với nhau và làm thành một đơn vị thống nhất về mặt chức năng, công dụng. Có thể tính đếm tập hợp đó bằng số từ và đặt số từ đứng trước danh từ *đôi: một đôi, hai đôi, ba đôi,...* |

**HĐ LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

**b) Nội dung:**GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh hơn”, thực hiện nhiệm vụ hoàn thành bài tập số 5 trong SGK.

**c) Sản phẩm:**Đáp án đúng của bài tập.

**d) Tổ chứcthực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh hơn”.  GV chia lớp thành 2 đội, thực hiện nhiệm vụ: tìm các thành ngữ có sử dụng số từ mang nghĩa biểu trưng, ước lệ.  Thời gian: 5 phút.  **Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thảo luận nhóm, thống nhất câu trả lời.  **Báo cáo, thảo luận:**  - HS thay phiên nhau lên ghi kết quả trên bảng.  **Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét, đánh giá thái độ và kết quả làm việc của HS.  - GV chấm điểm và trao quà cho đội thắng cuộc. | **Bài tập 5**  - Thành ngữ *ba chìm bảy nổi* có ý nghĩa chỉ nỗi gian truân, vất vả, long đong, liên tiếp gặp khó khăn, trắc trở.  - *Ăn một bát cháo, chạy ba quãng đồng*. Chỉ việc không đáng làm, để đạt được việc nhỏ bỏ công sức quá to.  - *Chín người mười ý.*Mỗi người mỗi ý, khó mà chiều theo cho đặng, cho đều.  - *Gươm hai lưỡi, miệng trăm hình.*Ý nói gươm đao sắc bén cũng không bằng miệng lưỡi nhân gian.  *- No ba ngày tết, đói ba tháng hè.*Hãy biết điều tiết chi tiêu để không phải túng thiếu.  *- Bắt cá hai tay.*Chỉ những người tham lam, cuối cùng cũng sẽ mất hết.  *- Một nghề thì sống, đống nghề thì chết.*Ý nói thà giỏi một lĩnh vực gì đó cho chuyên sâu còn hơn cái gì cũng biết mà chẳng biết tới đâu. |

**HĐ VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập GV giao.

**b) Nội dung:**GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ:

Xác định các số từ trong đoạn thơ sau :

*Chúng bay chỉ một đường ra :*

*Một là tử địa hai là tù binh […]*

*Nghe trưa nay, tháng năm mồng bảy*

*Trên đầu bay, thác lửa hờn căm!*

*Trông : bốn mặt, luỹ hầm sập đổ*

*Tướng quân bay lố nhố cờ hàng…*

**c) Sản phẩm:**Câu trả lời đúng của HS.

**d) Tổ chứcthực hiện:** HS thực hiện ở nhà

----------------------

**BÀI 3: CỘI NGUỒN YÊU THƯƠNG**

**ĐỌC – HIỂU: NGƯỜI THẦY ĐẦU TIÊN**

(Trích, Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tốp)

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Cảm nhận được tình yêu thương của thầy Đuy-sen dành cho học trò và lòng biết ơn của An-tư-nai đối với người thầy đầu tiên. Từ đó, biết trân trọng những tình cảm tốt đẹp mà mình được đón nhận.

- Nhận biết đuợc sự thay đổi người kể chuyện trong đoạn trích và bước đầu cảm nhận được tác dụng của sự thay đổi đó; biết khái quát đặc điểm tính cách nhân vật thầy Đuy-sen qua các chi tiết miêu tả ngoại hình, lời nói, cử chỉ, hành động, qua lời kể và cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật An- tư-nai, của nhân vật người hoạ sĩ.

**2. Về năng lực**

***\* Năng lực chung***

- Trình bày suy nghĩ, nêu và giải quyết vấn đề .

- Hợp tác, trao đổi, thảo luận về sản phẩm dự kiến.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản .

***\* Năng lực đặc thù***

- Nêu được ấn tượng, cảm nhận chung đoạn trích “Người thầy đầu tiên” .

- Nhận biết được sự thay đổi người kể chuyện và tác dụng sự thay đổi đó trong đoạn trích “ Người thầy đầu tiên”.

- Nhận biết được đặc điểm tính cách nhân vật qua các chi tiết miêu tả ngoại hình, lời nói, cử chỉ, hành động, qua lời kể và cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật trong đoạn trích “ Người thầy đầu tiên”.

- Viết được đoạn văn theo ngôi kể thứ nhất xưng “tôi”,khát quát được các ý chính đoạn trích“Người thầy đầu tiên”.

***3. Về phẩm chất:***

-Biết bồi đắp, trân trọng tình cảm tốt đẹp mà mình được đón nhận .

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.

- Tranh ảnh về tác giả Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tốp và văn bản “Người thầy đầu tiên”.

- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh ở nhà.

- Tài liệu tham khảo.

**2. Đối với học sinh:**

- Sách giáo khoa, vở bài tập.

- Soạn bài theo các câu hỏi trong sách giáo khoa.

- Chuẩn bị phiếu học tập theo yêu cầu đã hướng dẫn ở nhà.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề (5’)**

**a. Mục tiêu**:

- Tạo hứng thú cho học sinh, thu hút học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

- Học sinh khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung**:

**- GV**: Đưa ra các câu hỏi đặt vấn đề.

**- HS**: Nghiên cứu và trả lời câu hỏi của GV đã đưa ra.

**c. Sản phẩm:** Cảm nhận, nhận thức và thái độ học tập của học sinh và lời chuyển ý của giáo viên.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

-**GV**:

+ Trình chiếu hình ảnh, cho hs xem tranh ảnh : Hình ảnh về tình cảm thầy cô dành cho học sinh.

**+** Nêu cảm nhận của em về những bức tranh đó?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**- HS:** Quan sát những bức tranh vè nêu cảm nhận của mình.

**- GV:** Hướng dẫn học sinh quan sát tranh và gợi ý những câu hỏi.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

**- GV:** Gọi học sinh phát biểu trên tinh thần xung phong.

**- HS:** Trả lời các câu hỏi cảu GV đã đưa ra.

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

- Nhận xét câu trả lời của HS cũng như ý kiến nhận xét của các em.

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.

*Đối với nhiều người, thời niên thiếu là một dấu ấn khó phai trong cuộc đời. Và trong những ngày chập chững bước đi đầu tiên ấy, người ta sẽ không thể nào quên những bàn tay đã dìu dắt họ đi trên con đường kiến thức của nhân loại. Cho dù ngày hôm nay, mỗi người trong chúng ta có thể đã thành đạt về một phương diện nào đó, có địa vị trong xã hội, song dù ở bất cứ nơi nào, trong sâu thẳm tâm hồn ta vẫn sáng chói hình ảnh của những người thầy đã từng dạy dỗ, dìu dắt ta trong mỗi chặng đường.*

*Tác phẩm “Người thầy đầu tiên” của Đại văn hào Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tốp là một tác phẩm nằm trong dòng cảm xúc đó. Tác phẩm này đã được đưa vào giảng dạy ở nhiều nước trên thế giới trong đó có Việt Nam. Vậy tình yêu thương của thầy Đuy-sen dành cho học trò và lòng biết ơn của An-tư-nai đối với người thầy đầu tiên của mình như thế nào, cô và các em cùng đi tìm hiểu bài học hôm nay.*

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới(114’)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN** | | | |
| **Mục tiêu**: Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm  **Nội dung**: GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân. | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | | **Sản phẩm** |
| **1. Tác giả**  B1: Chuyển giao nhiệm vụ:  - **GV** hỏi: Nội dung chính của Tiểu dẫn gồm những ý gì? Tóm tắt từng ý.  - Định hướng (GV nhấn mạnh một vài nét nổi bật)  B2: Thực hiện nhiệm vụ  + HS đọc nhanh Tiểu dẫn, SGK, tr. 71.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  B3: Báo cáo, thảo luận  HS trình bày sản phẩm thảo luận  B4: Kết luận, nhận định  - GV nhận xét, bổ xung, chốt lại kiến thức  **- GV mở rộng:**  + Hoạt động văn học của Ai- tơ – ma-tốp bắt đầu từ năm 1952, khi ông là sinh viên Trường Đại học Nông nghiệp Cư-rơ-gư-xtan. Từ năm 1956 đến năm 1958 ông học Trường viết văn M. Goóc-ki ở Mát-xcơ-va. Sau khi tốt nghiệp (1959), Ai-ma-tốp làm phóng viên báo Sự thật thường trú tại Cư-rơ-gư-xtan.  + **Đề tài chủ yếu** trong các truyện ngắn của Ai- tơ - ma-tốp là cuộc sống khắc nghiệt nhưng cũng đầy chất lãng mạn của người dân vùng đồi núi Cư-rơ-gư-xtan, tình yêu, tình bạn, tinh thần dũng cảm vượt qua những thử thách hi sinh thời chiến tranh, thái độ tích cực đấu tranh của tầng lớp thanh niên, trước hết là nữ thanh niên để thoát khỏi sự ràng buộc của những tập tục lạc hậu.  **2. Tác phẩm**  B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): a. Đọc  - Hướng dẫn đọc nhanh.  + Đọc giọng to, rõ ràng và truyền cảm.  + Thể hiện rõ giọng điệu và ngôi kể thứ nhất xưng “tôi” trong 4 phần.  - Hướng dẫn cách đọc chậm (đọc theo thẻ).  + Đọc thẻ trước, viết dự đoán ra giấy.  + Đọc văn bản và đối chiếu với sản phẩm dự đoán.  - Cho học sinh thực hành đọc văn bản theo hướng dẫn.  b. Yêu cầu HS tiếp tục quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi còn lại:  - Văn bản “Người thầy đầu tiên” viết về ai và về kể về những sự việc gì?  -Văn bản thuộc thể loại nào?  - Dựa vào tri thức Ngữ văn hãy cho biết nhân vật chính trong văn bản này là ai?  - Nêu phương thức biểu đạt chính của tác phẩm?  - Văn bản sử dụng những ngôi kể nào? Nêu tác dụng của từng ngôi kể?  - Có thể chia văn bản này ra làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**  1. Hướng dẫn HS cách đọc và tóm tắt.  2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:** 1. Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc.  2. Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:**  - Trả lời các câu hỏi của GV.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái đọc tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau. | | | **1. Tác giả**  Thầy đồ - Đất văn chương: Tác giả Ai-ma-tốp và tác phẩm "Người thầy đầu  tiên"  - Ai- tơ – ma-tốp (1928-2008)  - Là nhà văn nước Cư-rơ-gư-xtan. – Tác phẩm: Cây phong non trùm khăn đỏ, Người thầy đầu tiên. – 2004: Ông được nhận danh hiệu “Giáo sư danh dự” của trường Đại học tổng hợp quốc gia Mat-xcơ-va.  **2. Tác phẩm**  a) Đọc và tóm tắt  - Đọc  - Tóm tắt  **b) Tìm hiểu chung**  **\* Bối cảnh:**  **-** Sáng tác năm 1962.  - Bối cảnh: truyện lấy bối cảnh cuộc sống ở một vùng quê miền núi còn rất lạc hậu ở Cư-rơ-gư-dơ-xtan vào những năm đầu thế kỉ XX.  \* **Tóm tắt:**  Truyện kể về nhân vật chính là An-tư-nai, một cô bé mồ côi, phải sống với gia đình chú thím, bị đối xử tàn nhẫn,... Thầy Đuy-sen đã kiên trì dạy An-tư-nai học chữ; hết lòng bảo vệ và giúp An-tư-nai có cơ hội lên thành phố tiếp tục việc học hành. An-tư-nai rất yêu quý thầy Đuy-sen nhưng do hoàn cảnh, thầy trò phải xa cách rồi bặt tin nhau. Mấy chục năm sau, An-tư-nai đã là một viện sĩ, trở về thăm làng và gặp lại người thầy đầu tiên của mình trong một tình huống rất éo le. Bà đã viết thư nhờ người họa sĩ đồng hương kể lại câu chuyện về thầy Đuy-sen như một hành động chuộc lỗi.  **\*Thể loại:** truyện ngắn  \* **Phương thức biểu đạt:** Tự sự  **\* Nhân vật chính:** An-tư-nai, một cô bé mồ côi.  **\* Ngôi kể:** thứ nhất xưng “tôi” ( có sự thay đổi nhân vật).  **\* Bố cục:** 4 phần  - Phần 1: Hình ảnh thầy Đuy-sen qua lời kể người họa sĩ đồng hương với An-tư-nai.  - Phần 2: Hình ảnh thầy Đuy-sen qua lời kể của An-tư-nai.  - Phần 3: Hình ảnh thầy Đuy-sen qua lời kể của An-tư-nai.  - Phần 4: Hình ảnh thầy Đuy-sen qua lời kể người họa sĩ đồng hương với An-tư-nai. |
| **II. ĐỌC & TÌM HIỂU CHI TIẾT VB (…’)** | | | |
| **1. Người kể chuyện và mối quan hệ giữa các nhân vật.** | | | |
| **Mục tiêu**: Giúp HS nhận diện được người kể chuyện và tác dụng người kể trong từng phần của văn bản “ Người thầy đầu tiên”.  **Nội dung**:  **- GV:** Sử dụng KT đặt câu hỏi để HS nhận ra người kể chuyện ở từng phần và tác dụng của việc dùng ngôi kể đó.  **- HS:** Suy nghĩ và trả lời câu hỏi của GV. | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):  Xác định người kể chuyện và chỉ ra mối quan hệ giữa các nhân vật?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  - HS: Học sinh đọc lại nhanh các phần và trả lời câu hỏi của GV.  - GV: hướng dẫn HS tìm hiểu bằng cách đặt các câu hỏi phụ (nếu HS không trả lời được).  - Người kể chuyện ở phần 1 là ai?  - Người kể chuyện ở phần 2 là ai?  - Người kể chuyện ở phần 3 là ai?  - Người kể chuyện ở phần 4 là ai?  - Họ đều sinh ra ở đâu?  B3: Báo cáo, thảo luận  - **GV:** Chỉ định học sinh trả lời các câu hỏi.  **- HS:** Trả lời câu hỏi của GV, những HS còn lại theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.  B4: Kết luận, nhận định  GV nhận xét, đánh giá và bổ sung kiến thức, chuẩn kiến thức -> Ghi lên bảng. | | - Người kể phần (1)(4): người họa sĩ  - Người kể phần (2)(3): An-tư-nai  - Các nhân vật người kể chuyện trong đoạn trích có mối quan hệ đồng hương với nhau. Họ đều sinh ra và lớn lên ở làng Ku-ku-rêu; hiện cùng sống ở Mát-xcơ-va và có quen biết nhau. Họ cùng được mời về dự lễ khánh thành ngôi trường mới của quê hương  => Giúp người đọc có thể theo dõi linh hoạt câu chuyện được soi chiếu từ nhiều chiều, trở nên phong phú, hấp dẫn, chứa đựng nhiều ý nghĩa hơn. | |
| **2. Hình ảnh thầy Đuy-sen hiện lên qua lời kể, cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật An-tư-nai** | | | |
| **Mục tiêu**: Nhận diện được hành động, tính cách của thầy Đuy-sen và tình cảm của An-tư-nai dành cho thầy.  **Nội dung**:  **- GV:** sử dụng KT chia sẻ nhóm bốn  **- HS:** dựa vào phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà để hoàn thành nhiệm vụ nhóm | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):  - Chia nhóm  - Các nhóm trao đổi sản phẩm đã chuẩn bị cho nhau để cùng nhau trao đổi về phiếu học tập đã chuẩn bị từ ở nhà, có thể chỉnh sửa nếu cần thiết.  B2: Thực hiện nhiệm vụ  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  B3: Báo cáo, thảo luận  - GV yêu cầu các nhóm báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện nhómtrình bày sản phẩm. Các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  B4: Kết luận, nhận định  **HS:** Các nhóm nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **GV**:  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.  - Chốt kiến thức trên bảng và chuyển dẫn sang mục sau. | | \* Những chi tiết tiêu biểu về nhân vật thầy Đuy-sen:  **- Ngôn ngữ đối thoại:**  + Trò chuyện, thuyết phục các em nhỏ đi học.  + Động viên, khích lệ An-tư-nai,...  **- Hành động:**  + Một mình sửa sang nhà kho cũ thành lớp học.  + Bế các em nhỏ qua suối giữa mùa đông buốt giá.  + Kiên trì dạy chữ cho các em bất chấp hoàn cảnh thiếu thốn, khắc nghiệt, khắc nghiệt, sự đơn độc; mơ ước về một tương lai tươi sáng cho học trò  - **Tính cách thầy Đuy-sen:**  Thầy có mục đích sống cao đẹp, cương nghị, kiên nhẫn, nhân hậu, vị tha…  *=> Tình cảm yêu thương, hết lòng vì học trò.* | |
| **3. Nhân vật An-tư-nai** | | | |
| **Mục tiêu:** Giúp HS hiểu được hoàn cảnh, diễn biến tâm trạng khi thầy Đuy-sen và tình cảm dành cho thầy.  **Nội dung:**  **- GV:** Sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi  **- HS:** Thảo luận các câu hỏi theo yêu cầu của GV. | | | |
| **Tổ chức thực hiên** | **Sản phẩm** | | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):  - Chia nhóm ( lẻ, chẵn) bắt cặp với nhau.  - Chiếu câu hỏi cho các nhóm thảo luận.  B2: Thực hiện nhiệm vụ  -**HS:** Đọc câu hỏi, thảo luận, đưa ra ý kiến cá nhân.  **- HS:** Chú ý thời gian GV đã yêu cầu, để hoàn thành câu hỏi.  B3: Báo cáo, thảo luận  - **GV** yêu cầu các nhóm báo cáo chéo sản phẩm.  - **HS** đại diện nhóm báo cáo kết quả.  B4: Kết luận, nhận định  **HS:** Các nhóm nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **GV**:  - Nhận xétvề hình thức và nội dung các nhóm.  - Chốt kiến thức trên bảng và chuyển dẫn sang mục sau. | \* **Hoàn cảnh:**  - An-tư-nai là một đứa trẻ mồ côi.  - Cô sống với chú thím khắc nghiệt.  => Cuộc sống thiếu thốn cả vật chất và tình cảm; không được chăm sóc và yêu thương.    **\* Diễn biến tâm trạng khi gặp thầy Đuy-sen:**  - Ban đầu thấy xấu hổ, rụt rè.  - Sau thấy lòng ấm hẳn.  - Cuối cùng căm uất với những người đã nhạo báng thầy Đuy-sen.  **\* Tình cảm của An-tư-nai dành cho thầy:**  - An-tư-nai đã dành cho thầy Đuy-sen tình cảm yêu mến, ngưỡng mộ và biết ơn vì tấm lòng nhân từ, những ý nghĩ tốt lành và những ước mơ của thầy về tương lai cô và những đứa trẻ.  - Cô ước thầy làanh ruột của mình, tình cảm thân thương như ruột thịt.  *=> Vì vậy, khi trở về thành phố An-tư-nai đã khẩn khoản người họa sĩ kể về thầy Đuy-sen.* | | |
| **4. Ý tưởng của người họa sĩ cho bức tranh vẽ thầy Đuy-sen** | | | |
| **Mục tiêu**: Giúp HS hiểu được ý tưởng của người họa sĩ khi vẽ bức tranh về thầy Đuy-sen  **Nội dung:**  **- GV:** Yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để trả lời các câu hỏi  **- HS:** Đọc lại phần cuối văn bản và trả lời các câu hỏi của GV. | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):  ? GV yêu cầu học sinh đọc phần cần chuẩn bị?  ? Học sinh thực hiện yêu cầu trong PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: Những ý tưởng của người họa sĩ.  ? Hoàn thiện các yêu cầu trong phiếu PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: Em ủng hộ ý tưởng nào? Vì sao?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  **GV**:  - Phát phiếu học tập số 1, 2  - Cử 1 học sinh chỉ huy điều khiển hoạt động nhóm  - Phát hiện các khó khăn học sinh gặp phải và giúp đỡ HS.  B3: Báo cáo, thảo luận  - GV yêu cầu các nhóm báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện nhóm trình bày sản phẩm. Các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  B4: Kết luận, nhận định  **HS:** Các nhóm nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **GV**:  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.  - Chốt kiến thức trên bảng và chuyển dẫn sang mục sau. | | **- Ý tưởng:**  + Vẽ hai cây phong thầy Đuy-sen và An-tư-nai trồng, cùng đứa trẻ với đôi mắt hân hoan nhìn vào cõi xa xăm kì ảo  + Vẽ cảnh tượng thầy Đuy-sen bế trẻ em qua con suối mùa đông  + Vẽ khoảnh khắc thầy Đuy-sen tiễn An-tư-nai lên tỉnh, sao cho bức tranh ấy diễn tả được tiếng gội cất lên từ tâm hồn Đuy-sen mà đến nay An-tư-nai vẫn còn nghe vẳng lại, sẽ vang dội mãi trong lòng mỗi người  - Em ủng hộ ý tưởng vẽ người thầy giáo tiễn An-tư-nai lên tỉnh vì nó thể hiện được mong muốn của người họa sĩ sao cho bức tranh ấy giống như tiếng gọi của thầy Đuy-sen mà cho đến nay vẫn còn vẳng lại, vang dội trong lòng mỗi người. | |
| **III. TỔNG KẾT (…’)** | | | |
| **Mục tiêu**: Nắm vững nội dung và nghệ thuật viết kí sự đặc sắc của tác phẩm  **Nội dung:** HS vận dụng sgk, kiến thức đã học để trả lời câu hỏi. | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):  + Giá trị nổi bật của đoạn trích là gì? Giá trị ấy thể hiện ở những khía canh nào?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  + HS tiếp nhận, suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  B3: Báo cáo, thảo luận  + Đại diện HS trả lời câu hỏi  + HS khác đánh giá, bổ sung  B4: Kết luận, nhận định  + GV nhận xét, đánh giá và bổ sung kiến thức, chuẩn kiến thức -> Ghi lên bảng. | | **- Nghệ thuật:**  + Sử dụng ngôi kể thứ nhất. Có sự thay đổi người kể giữa các phần, để nổi bật hình ảnh thầy Đuy-sen và tình cảm An-tư-nai.  + Lối viết hấp dẫn, thú vị.  + Khắc họa nhân vật giản dị, gần gũi. Được thể hiện qua hành động, ngôn ngữ, tính cách.  **- Nội dung:**  + Tác phẩm cho người đọc cảm nhận được niềm tin vào cuộc sống, đó là câu chuyện không chỉ của người thầy mà còn của người cha có tấm lòng cao cả.  + Người thầy đầu tiên đã thành công khắc học nên một câu chuyện tuyệt đẹp về tình thầy trog cũng như phản ánh được chế độ phong kiến lạc hậu với những quan niệm sai trái, không kém phần nặng nề. | |

**3. HĐ 3: Luyện tập (16’)**

**a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

**b) Nội dung:** HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

**c) Sản phẩm:**

**Câu 1-D; Câu 2- C; Câu 3-D; Câu 4- D; Câu 5 - D**

**Câu 1**: Văn bản “Người thầy đầu tiên” là của tác giả nào?

A. Xéc-van-téc

B. An- đéc- xen

C. O-hen-ri

D. Ai- tơ- ma- tốp

**Câu 2.** Nhà văn Ai – tơ - ma – tốp là người nước nào?

A. Nga

B. Bồ Đào Nha

C. Cư – rơ – gư - xtan

D. Phần Lan

**Câu 3.** Trong văn bản “ Người thầy đầu tiên”, thầy Đuy-sen có những hành động nào qua lời kể của An-tư-nai:

A. Một mình sửa sang nhà kho cũ thành lớp học.

B. Bế các em nhỏ qua suối giữa mùa đông buốt giá.

C. Kiên trì dạy chữ cho các em bất chấp hoàn cảnh thiếu thốn, khắc nghiệt, khắc nghiệt, sự đơn độc; mơ ước về một tương lai tươi sáng cho học trò.

D. Cả ba đáp án trên.

**Câu 4.** Trong truyện “ Người thầy đầu tiên”, người họa sĩ đã có những ý tưởng nào khi vẽ về thầy Đuy-sen:

A. Vẽ hai cây phong của Đuy-sen và An-tư-nai, hoặc vẽ một đứa bé đi chân không, da rám nắng.

B. Vẽ lúc Đuy-sen bế trẻ con qua suối trên những con ngựa nô nê hung dữ, những con người đần độn chế giễu ông, hoặc vẽ người thầy giáo tiễn An-tư-nai lên tỉnh.

C. Vẽ thầy lúc dạy học những đứa trẻ bên hai cây phong.

D. Đáp án A,B

**Câu 5.** Nội dung chính văn bản “ Người thầy đầu tiên” là:

A. Nói về tình mẫu tử

B. Nói về tình bạn

C. Nói về tình cảm gia đình.

D. Nói về tình thầy trò.

**d) Tổ chứcthực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Giáo viên giao bài tập cho HS

B2: Thực hiện nhiệm vụ

**GV:**Chiếu bài tập

**HS:**Đọc yêu cầu của bài và lựa chọn đáp án

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS lựa chọn đáp án.

- HS trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định

GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số hoặc bằng cách chốt đáp án đúng.

**4. HĐ 4: Vận dụng viết kết nối với đọc**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung:**GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:**Đoạn văn của học sinh (Sau khi đã được GV góp ý, nhận xét và chỉnh sửa).

**d) Tổ chứcthực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ(GV)**

Em hãy viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) kể lại nội dung của phần (1) hoặc phần (4) văn bản Người thầy đầu tiên bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ ba.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV**gợi ý cho HS bằng việc bám sát văn bản.

**HS:**

**-** Đọc lại văn bản, đặc biệt trọng tâm phần (1) và phần (4).

- Chú ý xác định ngôi kể trong đoạn văn.

- Viết đoạn.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm trên zalo nhóm hoặc trên messenger.

**HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống công nghệ thông tin mà GV đã hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS

- Chấm, chữa bài viết cho HS

- Bài viết nào chưa đạt yêu cầu, cần viết lại lần 2.

\****Dặn dò: HS về nhà soạn trước phần thực hành tiếng Việt (Phó từ), sgk trang 72***

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tiết: THỰC HÀNH TIÊNG VIỆT:**

**PHÓ TỪ**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

Nhận biết được đặc điểm và chức năng của phó từ để sử dụng đúng và hiệu quả trong các hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

**2. Năng lực**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Năng lực nhận diện phó từ trong văn bản. Năng lực sử dụng hiệu quả phó từ trong nói và viết.

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1.Giáo viên :**

- Giáo án; SGK, SGV, máy chiếu.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

**2. Học sinh :**

**-** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài , vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định:**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Không kiểm tra

**3. Bài mới:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Hoạt động 1: Hình thành kiến thức mới**  **Bài 1: Tìm các từ bổ sung ý nghĩa cho danh từ in đậm trong câu sau:**  **a.** Tôi nghĩ không phải chỉ riêng bà con trong làng mà nói chung mọi **người**, nhất là lứa tuổi trẻ, đều cần biết câu chuyện này.  **Bài 2: tìm các từ bổ sung ý nghĩa cho động từ in đậm trong câu sau và cho biết chúng bổ sung ý nghĩa gì?**  **a.** Và tôi không **nghĩ** ra được cách gì hơn là thay mặt bà An –tư – nai.  **GV :** các từ “mọi”, “không” đi kèm “người, nghĩ” để bổ sung ý nghĩa về số lượng, ý phủ định được gọi là phó từ.  **\*Bài tập nhanh:**  **GV hướng dẫn HS làm phần 1b, 2b:**  **1.b:** Những lúc ấy, thầy Đuy-Sen đã bế các em qua suối.  **2.b:** Các em ghé vào đây xem là hay lắm. Các em chả sẽ học ở đây là gì?  **\* Tìm hiểu về phân loại của phó từ:**  **Hoạt động 2 : Luyện tập – Vận dụng**  **Bài 1 SGK tr 72**  **c.**Tuy chúng tôi còn bé, nhưng tôi nghĩ rằng lúc đó chúng tôi đều đã hiểu được những điều ấy.  **Bài 2 SGK tr 72**  **c**. Chúng tôi cũng đứng dậy cõng những bao ki-giăc lên lưng và rảo bước về làng.  **d.** An-tư-nai, cái tên hay quá. Mà em thì chắc là ngoan lắm phải không?  **Bài 3: Trong phần kết của văn bản “Người thầy đầu tiên”, phó từ “hãy” được lặp lại nhiều lần cho biết tác dụng của việc lặp lại phó từ này?**  **Bài 4: Viết 1 đoạn văn (5-7 câu) trình bày cảm nhận của em về nhân vật thầy Đuy – Sen hoặc An – Tư – Nai trong VB “ Người thầy đầu tiên”, trong đoạn có sử dụng ít nhất 3 phó từ .** | **I. Hình thành kiến thức mới**  **a. Ví dụ:**  **VD 1. Bài 1:**  a. mọi -> người  (mọi: bổ sung ý nghĩa về số lượng).  **VD 2. Bài 2:**  a. Không -> nghĩ  (không: bổ sung ý nghĩa về ý phủ định)  **b. Kết luận:**  Phó từ là những từ đi kèm danh từ, động từ, tính từ để bổ sung ý nghĩa về số lượng, đặc điểm, hoạt động, trạng thái của chúng.  **\*. Bài tập nhanh:**  1.b: những -> lúc ấy  Các -> em  ( những, các: bổ sung ý nghĩa về số lượng)  2.b: lắm -> hay  (lắm: bổ sung ý nghĩa về mức độ)  **c. Phân loại**: 2 nhóm:  - **Phó từ đi kèm danh từ:** Phó từ làm thành tố phụ trước cho danh từ và bổ sung ý nghĩa về số lượng của sự vật. Đó là các từ: những, các, mọi, mỗi, từng  VD: Những bức vẽ ấy nhiều lắm  (những -> bức vẽ: bổ sung ý chỉ số lượng)  - **Phó từ đi kèm động từ, tính từ**: Phó từ làm thành tố phụ trước hoặc sau cho động từ, tính từ, bổ sung ý nghĩa liên quan đến hoạt động, trạng thái, đặc điểm nêu ở động từ hoặc tính từ (qh thời gian, sự tiếp diễn tương tự, sự phủ định, sự cầu khiến, mức độ, kết quả...)  VD: Hãy **nhìn** tôi đây!  ( hãy -> nhìn: bổ sung ý chỉ sự cầu khiến)  **II**. **Luyện tập – Vận dụng**  **Bài 1 SGK tr 72**  c. những -> điều ấy  ( những: bổ sung ý về số lượng)  **Bài 2 SGK tr 72**  c. cũng -> đứng dậy  (cũng: chỉ sự tiếp diễn)  d. quá -> hay  (quá: chỉ mức độ)  Lắm -> ngoan  (lắm: chỉ mức độ)  **Bài 3:**  Phó từ “hãy” lặp lại 6 lần.  Phó từ “ hãy” đứng trước ĐT, TT có ý nghĩa mệnh lệnh, cầu khiến, thuyết phục, động viên làm việc gì đó. Đoạn văn nói đến những suy tư, trăn trở của người kể chuyện . Câu chuyện xúc động về người thầy đầu tiên – thầy Đuy Sen đã thôi thúc người kể chuyện muốn đc sáng tác, muốn được vẽ lại một chi tiết trong câu chuyện hay về chân dung người thầy đặc biệt này để tỏ lòng biết ơn, yêu mến, kính trọng.  **Bài 4: Hướng dẫn:**  - Chọn nhân vật em định viết  -Viết nháp 1 vài từ mô tả đặc điểm nổi bật của nhân vật  -Tìm một vài từ nêu cảm nhận, suy nghĩ của em về nhân vật.  - Chú ý sử dụng ít nhất 3 phó từ, gạch chân các phó từ em đã sử dụng. |

**4. Củng cố, hướng dẫn về nhà**:

**\*Củng cố :**

- Lấy VD về một số phó từ ?

- Đặt câu với một trong các từ vừa lấy VD?

**\* Hướng dẫn về nhà**:

***\* Bài vừa học***

- Hoàn thiện các bài tập vào vở.

- Viết hoàn chỉnh đoạn văn có sử dụng phó từ.

***\* Bài của tiết sau***

- Thực hiện yêu cầu 1 và 2 phần “Trước khi đọc” SGK.

- Đọc kĩ văn bản: “*Quê hương”*

- Tìm hiểu về tác giả Tế Hanh

- Soạn bài: Trả lời các câu hỏi SGK.

----------------------

**BỘ KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG**

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày soạn ..................*  *Ngày dạy:..................*  **BÀI 3: Văn Bản : QUÊ HƯƠNG**  *Tế Hanh -* |  |

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

- Nhận biết thể thơ, mạch cảm xúc

- Cảm nhận được vẻ đẹp của con người, cuộc sống nơi làng chài ven biển và tình yêu quê hương chân thành, tha thiết của tác giả.

- Biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ và nhận biết được tình cam, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.

- Nêu được ấn tượng chung về vẻ đẹp của thiên nhiên và con người trong bài thơ;

- Hiểu được cách miêu tả tinh tế, sinh động của tác giả.

**2*.* Phẩm chất:**

-HS biết yêu quê hương, bồi dưỡng tình cảm yêu quê hương, đất nước cho HS**.**

- Sống có trách nhiệm XD quê hương .

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập, Padlet.

- Các hình ảnh, video liên quan (nếu có).

**III. Tiến trình dạy học**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: - Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

- Kích thích HS tìm hiểu về tình yêu quê hương của mỗi người khi xa quê.

**b. Nội dung:**

HS nghe nhạc, chia sẻ cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, chia sẻ tình cảm của mình đối với QH

**d. Tổ chức hoạt động :**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** (PP vấn đáp, quan sát, lắng nghe)

* GV định hướng cho HS:
* *Chia sẻ cảm xúc khi nghe giai điệu bài hát*
* *Khi xa quê hương em nhớ những gì ?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**:

- HS lắng nghe, xem, suy nghĩ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

- HS chia sẻ cá nhân.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận:**

* GV nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

**🡺GV dẫn vào bài:** Tình yêu quê hương là một tình cảm cao đẹp và phổ biến trong mỗi người. Xa quê, ai cũng nhớ quê. Nhớ những gì thân thuộc,gần gũi ,gắn bó .....Nhà thơ Tế Hanh đã thể hiện tình cảm sâu đậm với quê hương mình qua bài thơ “Quê hương”, cô trò ta sẽ cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 2.1: Khám phá chung văn bản**

**a. Mục tiêu**: Tìm hiểu chung về tác giả Tế Hanh và VB Quê hương

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về tác giả và tác phẩm như: đề tài, ngôi kể, cốt truyện, bố cục…

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về văn bản.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **I. Khám phá chung văn bản** | |
| **NV1: Tìm hiểu về tác giả Tế Hanh**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Trình bày dự án tìm hiểu về tác giả Tế Hanh ( Đã đưa lên trang Padlet)  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS báo cáo kết quả  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày  -HS khác nhận xét bổ sung  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục 2. | **1. Tác giả:**    - Tế Hanh (1921- 2009) quê ở Quảng Ngãi.  - Ông đến với phong trào Thơ mới khi phong trào này đã có rất nhiều thành tựu.  - Tình yêu quê hương tha thiết là đặc điểm nổi bật của thơ Tế Hanh. |
| **NV2: Tìm hiểu chung về Tác phẩm**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **\*Báo cáo kết quả tìm hiểu về tác phẩm**  ( **Bài thơ Quê hương** )  **\*GV yêu cầu HS báo cáo kết quả theo sơ đồ tư duy**  *.***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  -GV chọn 1 kết quả bất kỳ trên trang Padlet  2. HS được chọn trình bày  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS được chỉ định trình bày  -HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau: Khám phá chi tiết văn bản | **2. Tác phẩm:**    **\* Xuất xứ :**  **\*Thể loại:** Thơ  **\* Thể thơ** :  **\*PTBĐ :**  **\*Bố cục:**  2 câu đầu: Giới thiệu về quê hương.  6 câu tiếp: Cảnh thuyền ra khơi đánh cá.  8 câu tiếp: Cảnh thuyền đánh cá trở về.  4 câu tiếp: Cảm xúc đối với quê hương**.** |

**Hoạt động 2: Khám phá chi tiết văn bản**

**2.1 Giới thiệu về làng quê**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết về vị trí nghề nghiệp làng quê của tác giả

**b.** **Nội dung**: KT đặt câu hỏi, HS làm việc các nhân

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **II. Khám phá chi tiết văn bản** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  - GV yêu cầu HS quan sát 2 câu thơ đầu, lần lượt thực hiện các yêu cầu sau:  ? Tác giả giới thiệu về làng quê của mình như thế nào?  ? Nhận xét về cách giới thiệu đó?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**   * HS làm việc cá nhân, nghe câu hỏi, theo dõi văn bản và thực hiện yêu cầu.   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét bổ sung (nếu cần)  **Bước 4: Đánh giá, kết luận (GV):**  - GV nhận xét, bình và chuyển sang mục khác. | 1. **Giới thiệu về làng quê.**   -Nghề nghiệp truyền thống: vốn nghề chài lưới  - Vị trí: bao bọc bởi sông nước di chuyển bằng thuyền.   * Cách giới thiệu tự nhiên, mộc mạc giản dị => thể hiện tình yêu quê hương của tác giả. |
| **Thao tác 2: Tìm hiểu cảnh đoàn thuyền ra khơi Và cảnh đoàn thuyền trở về .**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**Báo cáo kết quả PHT đã giao trên trang Padlet **Phiếu HT số 01**:  **Phiếu HT số 02:**  **Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ.**  -Cử hai nhóm đại diện trình bày.  -Các nhóm khác theo dõi phần trình bày và nhận xét bổ sung  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **-** Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm.  -Các nhóm khác nhận xét góp ý  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của các nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS.  - Bình và chốt nội dung | **2. Tìm hiểu cảnh đoàn thuyền ra khơi và cảnh đoàn thuyền trở về.**  **a. Cảnh đoàn thuyền ra khơi**  **PHIẾU HỌC TẬP số 01**:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **ĐTMT** | **Từngữ,chi tiết,hình ảnh** | **Cách sửdụng từ ngữ vàBPTT** | **Tácdụng** | **Tích** | | **Hoàn cảnh** |  |  |  |  | | **Con người** |  |  |  |  | | **Con thuyền** |  |  |  |  | | **Cánh buồm** |  |  |  |  | | **Nhận xét về cảnh đoàn thuyền ra khơi** | | | |  |   - Hoàn cảnh: Trờitrong, gió nhẹ,sớm mai =>Tính từ,liệt kê => Điều kiện thuận lợi  -Con người: Trai tráng, bơi thuyền => Người lao động mang vẻ đẹp khoẻ khoắn, vạm vỡ.  -Con thuyền: Hăng, phăng như con tuấn mã  - Hình ảnh so sánh kết hợp với các động từ mạnh, tính từ.  -> Con thuyền mang khí thế dũng mãnh khi ra khơi => vẻ đẹp hùng tráng.  Cánh buồm: giương, to  - NT so sánh, ẩn dụ  -> Cánh buồm trở nên lớn lao, thiêng liêng và thơ mộng. Đó chính là biểu t­ượng của làng quê, hồn người.  => Bức tranh thiên nhiên tươi sáng, hùng vĩ, cuộc sống lao động của con người vui vẻ, hào hứng, rộn ràng,khẩn trương, Một vẻ đẹp vừa thân quen, gần gũi, hoành tráng và thơ mộng biết bao.  **b. Cảnh đoàn thuyền trở về.**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **ĐT**  **MT** | **Từ ngữ,chi tiết,hình ảnh** | **Cách sử dụng từ ngữ và BPTT** | **Tác dụng** | **Tích** | | **Khung cảnh làng chài** |  |  |  |  | | **Con người** |  |  |  |  | | **Con thuyền** |  |  |  |  | | **Nhận xét bức tranh làng chài** | | | |  |   -Thời gian: Ngày hôm sau  - Cảnh đón thuyền về: ồn ào, tấp nập=> Không khí vui vẻ, rộn ràng, mãn nguyện  -Dân trai tráng : Làn da ngăm rám nắng ...  **=>** Hình ảnh người dân chài: khoẻ mạnh, rắn rỏi, vẻ đẹp lãng mạn phi thường.  -Con thuyền : im,bến mỏi, trở về nằm,nghe  NT nhân hóa, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác.  -> Hình ảnh con thuyền là một phần sự sống làng chài  => Bức tranh làng chài tràn đầy niềm vui ấp áp ,gợi ra một cuộc sống bình yên. |

**3. Nổi nhớ quê hương**

**a. Mục tiêu**: Học sinh cảm nhận được tình cảm tha thiết của tác giả đối với quê hương

**b. Nội dung**: HS thảo luận cặp đôi

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
|  | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  ***-Thảo luận cặp đôi***  - GV yêu cầu HS quan sát 4 câu thơ cuối, lần lượt thực hiện các yêu cầu sau:  Tình cảm của nhà thơ với quê hương được thể hiện trong hoàn cảnh nào? Nỗi nhớ đó có điều gì đặc biệt?  ? Tại sao nhớ về quê hương tác giả lại nhớ tới những hình ảnh đó?  ? Nhận xét cách diễn đạt  ? Tình cảm của tác giả trong đoạn thơ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**   * HS làm việc cặp đôi, nghe câu hỏi, theo dõi văn bản và thực hiện yêu cầu.   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét bổ sung (nếu cần)  **Bước 4: Đánh giá, kết luận (GV):**  - GV nhận xét, bình và kết luận | 1. **Nổi nhớ quê hương của tác giả.**   Hoàn cảnh xa cách: Luôn tưởng nhớ.   * Da diết, thườngtrực, khôn nguôi   Nhớ: -Màu nước xanh   * Cá bạc * Chiếc buồm vôi * Hình ảnh con thuyền * Mùi nồng mặn của nước biển   => Những hình ảnh đó chính là hương vị riêng của làng chài, nơi tác giả đã từng gắn bó cả tuổi ấu thơ của mình  => Sử dụng những câu cảm thán, phép liệt kê.  => Tác giả là người rất yêu quê gắn bó sâu nặng với quê hương***.*** |

**Hoạt động 2.3: Hướng dẫn HS tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của đoạn trích.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .

- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **III. Tổng kết** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV sử dụng kĩ thuật viết 01 phút để yêu cầu HS hoạt động cá nhân, để hoàn thành PHT  tóm tắt những đặc sắc về nghệ thuật và nội dung  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**   * HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. * GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày các nội dung tổng kết. HS khác bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận (GV):**   * GV nhận xét, đánh giá, biểu dương, chuẩn kiến thức bài học. | **1. Nghệ thuật**  Ngôn ngữ bình dị mà gợi cảm, giọng thơ khỏe khoắn hào hùng  - Hình ảnh thơ phong phú, giàu ý nghĩa  - Nhiềuphép tu từ được sử dụng đạt hiệu quả nghệ thuật  **2. Nội dung – Ý nghĩa**  Bài thơ đã vẽ ra một bức tranh tươi sáng, sinh động về một làng quê miền biển. Trong đó nổi bật lên hình ảnh khỏe khoắn, đầy sức sống của người dân chài và cảnh sinh hoạt lao động chài lưới. Qua đó cho thấy thấy tình cảm quê hương trong sáng, tha thiết của nhà thơ |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: Giúp học sinh vận dụng những kiến thức đã học về văn bản để làm bài tập.

**b. Nội dung**: HS cảm nhận và chia sẽ cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Ý kiến của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV sử dụng kĩ thuật viết  Qua bài thơ giúp em hiểu thêm gì về nhà thơ Tế Hanh?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**   * HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. * GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày chia sẽ HS khác bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận (GV):**   * GV nhận xét, đánh giá, và bình về tác giả Tế Hanh ( là nhà thơ quê hương ,bình thêm về hai câu đầu phụ đề ở đầu bài thơ ) | - Tinh tế trong cảm thụ cuộc sống quê.  - Nồng hậu thuỷ chung với quê hương |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế, kết nối chi tiết trong VB với cảm xúc, tưởng tượng của bản thân.

**b. Nội dung**: [GV sử dụng kỹ thuật “Viết tích cực”](https://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/C%C3%A1c_k%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_d%E1%BA%A1y_h%E1%BB%8Dc_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c/K%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_%E2%80%9CVi%E1%BA%BFt_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c%E2%80%9D), kĩ thuật công não; HS làm việc cá nhân, tự chọn một chi tiết trong VB làm đề tài, đưa ra suy nghĩ cảm nhận của bản thân trong hoạt động viết.

**c. Sản phẩm:** Bài viết đoạn của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**\*Nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 7 – 10 câu) Trình bày tỏ tình cảm đối với quê hương của mình .**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**-** HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.

**-** Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm, chỉnh sửa đoạn văn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

**-** GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá, rút kinh nghiệm, đọc đoạn văn tham khảo:

**Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **1** | Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 7 - 10câu.( MĐ-TĐ-KĐ) |  |  |
| **2** | Đoạn văn đúng chủ đề:  - Yêu quê hương, gắn bó với quê hương.  - Học tập chăm chỉ để mai này giúp ích cho quê hương. |  |  |
| **3** | Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn. |  |  |
| **4** | Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp. |  |  |

GV nhận xét và cho điểm HS.

HOẠT ĐỘNG V: HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

? Sưu tầm những câu chuyện, bài thơ, bài hát viết vềquê hương?

--------------------------------------------

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- HS tiếp tục rèn luyện và phát triển kỹ năng viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. HS nhận biết được các yêu cầu của bài văn . Từ bài viết tham khảo, nắm được cách viết bài văn và có cho mình ý tưởng để viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

- HS tiếp tục rèn luyện và phát triển kỹ năng viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

**2. Năng lực:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài; năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân; năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1.Giáo viên :**

- Giáo án; SGK, SGV, máy chiếu.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

**2. Học sinh:**

**-** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định:** sĩ số

**2. Kiểm tra bài cũ:**

?

**3. Bài mới:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Hoạt động 1: Tìm hiểu kiểu bài**  +Trong bài học 3 với chủ đề “*Cội nguồn yêu thương*” các em đã được học những văn bản nào?  *HS: Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ, Người thầy đầu tiên, Quê hương*  + Nhìn vào bức tranh em hãy kể tên các nhân vật trong văn bản?   |  |  | | --- | --- | | C:\Users\Administrator\Videos\download (3).jpg | C:\Users\Administrator\Desktop\download.jpg |   HS trả lời: nv “tôi” trong vb “ vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ, thầy Đuy-Sen trong VB “ người thầy đầu tiên”  *- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:*    Mỗi nhân vật trong tác phẩm văn học là 1 thế giới riêng với những đặc điểm hình dáng, tính tình khác nhau. Mỗi nhân vật cũng gợi ra cho chúng ta nhiều liên tưởng thú vị. Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta hình dung kĩ hơn về các nhân vật đó. Tiết ...: Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học  **\*Hoạt động 2: Yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học**  ? Em hiểu thế nào là phân tích đặc điểm nhân vật?  HS: Phân tích đặc điểm nhân vật là chỉ ra được đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm.  ? Vậy khi viết bài văn phân tích nhân vật em sẽ sử dụng ngôi kể thứ mấy ?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ học tập.  - HS tập trung qua chú ý, lắng nghe.  - HS: thứ nhất  ? Tác dụng của ngôi kể này ?  - HS: Tác dụng giúp người viết phân tích được 1 cách khái quát về nhân vật.  **\*Hoạt động 3: Đọc và phân tích bài mẫu tham khảo.**  - GV yêu cầu 1 đến 2 HS đọc nối tiếp văn bản tham khảo chú ý các ô chữ nhật chuyển mầu xanh trong quá trình đọc  - HS tiếp nhận nhiệm vụ học tập.  - HS tập trung quan sát, chú ý, lắng nghe.  - HS đọc nối tiếp văn bản  ? Em hãy nhận xét phần đọc của bạn?  - HS nhận xét bài đọc của bạn  - GV nhận xét phần đọc của HS   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **“Con mèo tuyệt vời nhất thế giới”** | | | | Nhóm 1 | Nhóm 2 | Nhóm 3 | | ? Câu chuyện kể về nhân vật nào?  ? Nhân vật ấy có ý nghĩa ra sao? | ? Chỉ ra đặc điểm của nhân vật? | ? Nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật? |   Thời gian tìm nội dung: 3 phút  Các nhóm báo cáo kết quả, HS lắng nghe, bổ sung nhận xét  GV chiếu **đáp án**  ? Nhân vật chính là ai?  ? Em hãy chỉ ra được đặc điểm của nhân vật trong bài phân tích?  - HS tập trung quan sát, chú ý, lắng nghe  - HS suy nghĩ và trả lời cá nhân  - HS tập trung quan sát, chú ý, lắng nghe, ghi chép.  ? Nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn?  ? Em hãy xác định bố cục và nêu nhiệm vụ từng phần của bài văn?  - GV mời HS trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  ***GV nhấn mạnh:***  Qua phần này yêu cầu các em phải phân tích được nhân vật từ các sự việc được xác định và nắm được bố cục bài văn phân tích đặc điểm nhân vật. Đồng thời người viết phải sử dụng các chi tiết phân tích nhân vật về ngoại hình, hành động, tính cách, suy nghĩ. Bài viết phải thể hiện được cảm xúc của người viết.  Để rèn kĩ năng viết các em chuyển sang phần III…..  **\* Hoạt động 4: Thực hành viết theo các bước.**  GV: Để viết một bài văn nói chung, một bài văn phân tích nhân vật các em cần phải trải qua những bước nào?  HS: Trả lời:  **B1**: Trước khi viết  - Lựa chọn đề tài  - Tìm ý  - Lập dàn ý  **B2**: Viết bài  **B3**: Chỉnh sửa bài viết  GV: Chúng ta sẽ đi vào từng bước.  - Bước 1: Trước khi viết  ? em hãy lựa chọn nhân vật trong 1 tác phẩm cụ thể.  - HS tập trung quan sát, chú ý, lắng nghe  - GV: Trên đây là bước lựa chọn đề tài bây giờ chúng ta chuyển sang bước tìm ý  - GV hướng dẫn học sinh cách tìm ý theo các cách như sau:  + Xác định các đặc điểm liên quan đến nhân vật như: ngoại hình, tính cách, hành động, lời nói, cử chỉ, suy nghĩ...  Trên đây là các cách tìm ý cho một bài văn  - HS tập trung chú ý, lắng nghe  ? Dựa vào bài văn tham khảo ở tiết trước. Em hãy nhắc lại bố cục của một bài văn? Nhiệm vụ của từng phần?  - HS nhận nhiệm vụ  - HS trả lời: 3 phần  ? Lập dàn ý theo bố cục ba phần: MB -> TB -> KB  ? Mục đích viết là gì? Người đọc của em là ai?  GV hướng dẫn học sinh: lập dàn ý ra vở để chuẩn bị cho tiết viết bài sau.  - Nhấn mạnh những yếu tố quan trọng  - Nhấn mạnh dàn ý của bài văn phân tích đặc điểm nhân vật  - HS lắng nghe, suy nghĩ, trả lời  - HS khác bổ sung ý kiến  - HS nghe, ghi chép  - HS lập dàn ý chi tiết cho bài viết theo gợi ý (về nhà) | **I. Giới thiệu bài**  **II. Yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học**  1- Ngôi kể: thứ ba, người kể giấu mặt.  - Tác dụng: Bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người viết trước sự việc được kể.  **II. Đọc và phân tích bài viết tham khảo.**  **“Con mèo tuyệt vời nhất thế giới!”**  - N**gôi kể: thứ nhất “tôi**  - Nhân vật chính: con mèo Gioc-ba  **- Các đặc điểm của nhân vật**  *+* Dáng vẻ bề ngoài khác biệt : to đùng, mập ú, bộ lông đen óng.  + Qủa quyết, dũng mãnh, sẵn sàng tấn công cả đười ươi to xác.  + Gioc –ba có trái tim nhân hậu và tâm hồn sâu sắc: hết lòng cứu giúp Ken-ga, kiên nhẫn ấp trứng vì xót thương mẹ hải âu bất hạnh, chăm sóc hải âu con chu đáo.  + lời nói, cử chỉ, hành động, cảm xúc, suy nghĩ.  **-Nghệ thuật miêu tả nhân vật:**  Nghệ thuật nhân hóa khiến Gioc-ba hiện lên sống động.  **\*Bố cục:**  **- Mở bài: từ “con mèo ấy….nhân vật đáng yêu và thú vị”: giới thiệu tác phẩm và nhân vật.**  **-Thân bài: Phân tích đặc điểm của nhân vật (chỉ ra đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm và nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn…)**  **+ Ngoại hình**  **+ Tính cách**  **+ hành động**  **+ lời nói**  **+ suy nghĩ**  **-Kết bài: Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật.**  **III. Thực hành viết**  **1.Trước khi viết**  **a. Lựa chọn nhân vật trong một tác phẩm**  **b. Tìm ý:**  - Giới thiệu về nhân vật  -Đặc điểm nhân vật được nhà văn thể hiện:  + ngoại hình  + hành động  + ngôn ngữ của nhân vật  + Thế giới nội tâm  + Mối quan hệ với các nhân vật khác  **c. Lập dàn ý**  **- Mở bài: giới thiệu tác phẩm và nhân vật.**  **-Thân bài: Phân tích đặc điểm của nhân vật (chỉ ra đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm và nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn…)**  **+ Ngoại hình**  **+ Tính cách**  **+ hành động**  **+ lời nói**  **+ suy nghĩ**  **-Kết bài: Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật.**  **\* Luyện tập**:  Tìm ý cho bài văn phân tích đặc điểm nhân vật. |

**4. Củng cố, hướng dẫn về nhà**

**\*Củng cố :**

- Khắc sâu các yếu tố cần có trong bài văn phân tích đặc điểm nhân vật

**\*Hướng dẫn về nhà**

- Bài vừa học:

+ Chỉ ra các yếu tố cần thiết của một bài văn phân tích đặc điểm nhân vật

+ Cách chọn đề tài để viết

+ Cách tìm ý cho bài văn

- Bài của Tiết sau:

+ Bài tập: Hoàn thiện dàn ý chi tiết cho bài văn phân tích đặc điểm nhân vật.

+ Tiết sau thực hành bước 2,3: Viết bài và chỉnh sửa bài viết.

**------------------**

**BÀI 3: YÊU THƯƠNG CỘI NGUỒN**

**NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG**

**(ĐƯỢC GỢI RA TỪ MỘT NHÂN VẬT VĂN HỌC)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Quy trình thực hiện bài nói trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống (được gợi ra từ một nhân vật văn học).

- Kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

**3. Phẩm chất:**

- HS biết sử dụng lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người nghe.

- Biết tóm tắt nội dung bài nói, tham gia trao đổi về nội dung của bài nói và kĩ năng của người trình bày.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- Gv chuyển giao nhiệm vụ:*  ? Kể tên các tác phẩm văn học em đã đọc trong bài 3: *Yêu thương cội nguồn*?  ? Nhân vật nào trong các tác phẩm đó để lại ấn tượng nhất đối với em?  ? Bày tỏ ý kiến của em về nhân vật đó? (HS trình bày bằng 2, 3 ý kiến)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt đông  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, dẫn dắt vào bài:  *Nhân vật trong tác phẩm văn học rất phong phú, đa dạng (con người, loài vật, đồ vật, cây cối,…), nhưng đều được nhà văn sáng tạo nên để gửi gắm tình cảm và suy ngẫm về cuộc sống, qua đó tác động đến tình cảm, nhận thức của người đọc. Với em, vấn đề đời sống nào gợi ra từ một nhân vật văn học trong tác phẩm đã đọc được coi là gần gũi và thú vị nhất? Hãy trao đổi với các bạn ý kiến của em về vấn đề này.*  *Tiết học hôm nay, cô sẽ giúp các em rèn luyện kĩ năng này.* | Hs chia sẻ ý kiến:  - Các TPVH đã học:  1. *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*(Trích) Nguyễn Ngọc Thuần.  2. *Người thầy đầu tiên* (trích) Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tôp  3. *Quê hương,* Tế Hanh  - HS bày tỏ ý kiến riêng về nhân vật mà mình ấn tượng nhất,… |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Trước khi nói**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| * **Nhiệm vụ 1: Chuẩn bị bài nói**   **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Xác định mục đích, người nghe, không gian và thời gian nói theo PHT số 1*  **PHT số 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Yếu tố | Dự kiến của tôi | Cách thức trình bày phù hợp | | 1. Mục đích bài nói |  |  | | 2. Người nghe |  |  | | 3. Thời gian |  |  | | 4. Không gian |  |  |   + Lựa chọn đề tài theo gợi ý trong SGK. (khuyến khích HS có đề tài riêng).  + Sau khi HS có đề tài, yêu cầu HS thu thập tài liệu theo PHT số 2  **PHT số 2**   |  |  | | --- | --- | | **Tên đề tài: ................................** | | | **1. Vấn đề đời sống được gợi ra từ nhân vật đó là gì?** |  | | **2. Chi tiết, sự việc, lời nói, hành động nào của nhân vật cho thấy rõ vấn đề ấy?** |  | | **3. Ý kiến của em về vấn đề đó: Em đồng ý hay không đồng ý? Vì sao?** |  | | **4. Bằng chứng từ chính trải nghiệm của mình hoặc qua sách báo về vấn đề đang bàn luận.** |  | | **5. Bài học em rút ra từ vấn đề đó là gì?** |  |   + Dự kiến 1 số ý kiến trao đổi của các bạn trong lớp để chuẩn bị sẵn phương án phản hồi.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, chốt ý  **\* Nhiệm vụ 2: Tập luyện trước**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *+ Một bài nói đạt kết quả tốt cần đảm bảo những yêu cầu nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS suy nghĩ cá nhân**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  **-** HS phát biểu suy nghĩ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung  *Để bài phát biểu đạt kết quả tốt cần:*  *+ Nội dung bài nói phải chuẩn bị kĩ lưỡng*  *+ Kĩ năng nói: giọng điệu, cử chỉ, ánh mắt, quản lí thời gian,…*  *Để thực hiện tốt được bài nói, người nói cần phải tập luyện trước khi nói trước lớp bằng cách: nắm chắc nội dung bài nói, luyện tập ở nhà, nói trước gương, nói với người cụ thể để tự tin hơn,…* | **I. Trước khi nói**  **1. Chuẩn bị bài nói**  **(theo 4 bước)**  - Lựa chọn đề tài  - Thu thập tào liệu cho nội dung trình bày  - Lập đề cương cho bài nói  - Dự kiến các nội dung mà người nghe có thể trao đổi để phản hồi.   |  |  | | --- | --- | | **Tên đề tài:** Sự trân trọng lời hứa được gợi ra từ nhân vật mèo Gióc-ba *(Chuyện con mèo dạy hải âu bay)* | | | **1. Vấn đề đời sống được gợi ra từ nhân vật đó là gì?** | Sự trân trọng lời hứa | | **2. Chi tiết, sự việc, lời nói, hành động nào của nhân vật cho thấy rõ vấn đề ấy?** | Chú mèo Gióc-ba tinh cờ chửng kiến cái chết của chim hải âu mẹ đáng thương. Gióc-ba đã hứa với hải âu mẹ rằng sẽ không ăn quả trứng, chăm lo cho quả trứng đến khi chim non ra đời và dạy hải âu con bay. Bằng tình thương yêu lớn lao và lòng vị tha. Gióc-ba đă nỗ lực thực hiện được tất cả những lời hứa với hải âu mẹ. | | **3. Ý kiến của em về vấn đề đó: Em đồng ý hay không đồng ý? Vì sao?** | - Em đồng ý. Vì: Việc giữ lời hứa thể hiện trách nhiệm, uy tín, lòng tự trọng của mỗi người; sự tôn trọng đối với người khác. Người giữ lời hứa sẽ được mọi người tin tưởng... | | **4. Bằng chứng từ chính trải nghiệm của mình hoặc qua sách báo về vấn đề đang bàn luận.** | *(HS tự lấy bằng chứng bằng hiểu biết của bản thân)* | | **5. Bài học em rút ra từ vấn đề đó là gì?** | *(HS tự rút ra bài học cho mình)* |   **2. Tập luyện** |

**Hoạt động 2: Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Gv tổ chức buổi tọa đàm: HS đóng vai người trình bày và đóng vai người tham dự.*  *+ GV chọn HS trình bày bài nói. Đồng thời GV yêu cầu những HS dưới lớp lắng nghe, đánh giá dựa vào bảng kiểm.*  - Hs tiếp nhận  **Bước 2: HS trao thực hiện nhiệm vụ**  - HS luyện nói  - HS thực hiện đánh giá theo phiếu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  -HS trình bày sản phẩm  - HS khác chú ý lắng nghe và theo deo dựa vào bảng kiểm.  **Bước 4: Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét | **II. Trình bày bài nói**  - Cần dựa vào phần tóm tắt đã chuẩn bị trước  - Trình bày từ khái quát đến cụ thể  - Kết nối các tư liệu trực quan  - Chú ý cách tương tác với khán giả |

**Hoạt động 3: Sau khi nói**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu các nhóm tiếp tục làm việc: thư kí đọc tóm tắt những ý kiến đã được trình bày trong buổi thảo luận, nhóm quyết định giải pháp tối ưu.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện đánh giá theo phiếu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, phản hồi ý kiến của mình với người nói.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét | **III. Sau khi nói** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng để luyện nói

**b. Nội dung:** HS dựa vào góp ý của các bạn và GV, học sinh quay video bài nói

**c. Sản phẩm học tập:** Video của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  Từ nhận xét, góp ý của cô và các bạn, em hãy quay video bài nói của mình (có thể chèn nhạc phù hợp, kết hợp hình ảnh…)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - Hs thực hiện ở nhà | - Hs quay video bài nói gửi cho giáo viên |

**Bảng kiểm trình bày ý kiến về một vấn để trong cuộc sống**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/chưa đạt** |
| Bài trình bày cỏ đủ các phần giới thiệu, nội dung và kết thúc. |  |
| Mở đầu và kết thúc ấn tượng, thu hút. |  |
| Thể hiện được ý kiến, lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người nghe. |  |
| Người trình bày nói rõ ràng, rành mạch và đúng thời gian quy định. |  |
| Người trình bày tự tin, nhìn vào người nghe khi nói, sử dụng giọng điệu và điệu bộ hợp lí. |  |
| Người trình bày ghi nhận và phàn hồi thỏa đáng những câu hỏi, lí lẽ phản biện của khán giả. |  |

---**BÀI 3: Cội nguồn yêu thương**

**Thực hành đọc**

**TRONG LÒNG MẸ**

**( Trích Những Ngày thơ ấu – Nguyên Hồng)**

(1 tiết)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Soạn bài Trong lòng mẹ (Cánh Diều) | Ngữ Văn 6** |  |  |

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm [1].

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc xem video bài giảng, đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập của giáo viên giao cho trước khi tới lớp [2].

***\* Năng lực đặc thù***

- Nhận biết được tri thức Ngữ văn (đề tài và ngôi kể, tính cách nhân vật; nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật) [3].

- Nêu được ấn tượng chung về nhà văn Nguyên Hồng và văn bản “Trong lòng mẹ” [4].

- Tóm tắt văn bản một cách ngắn gọn [5].

- Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu trong văn bản “Trong lòng mẹ” [6].

- Nhận biết và phân tích được các chi tiết nói về những cảm xúc và suy nghĩ của bé Hồng khi phải xa cách mẹ và khi được gặp lại mẹ trong văn bản “Trong lòng mẹ” [7].

- Nhận biết và phân tích được các chi tiết nói về người cô qua suy nghĩ của bé Hồng trong văn bản “Trong lòng mẹ” [8].

***2. Về phẩm chất:***

- Lên án những hủ tục lạc hậu đã đẩy người phụ nữ vào con đường bất hạnh, cùng cực.

- Tình mẫu tử là tình cảm thiêng liêng cao quý, chúng ta cần tin tưởng, yêu quý và trân trọng cha mẹ. Cần có những hành động cụ thể quan tâm, yêu thương chăm sóc nhau hàng ngày.

**II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.

- Tranh ảnh về nhà văn Nguyên Hồng và văn bản “Trong lòng mẹ”.

- Các phiếu học tập (Phụ lục đi kèm).

2. Chuẩn bị của học sinh: đọc văn bản và hoàn thành các phiếu được giao chuẩn bị truowsc khi đến lớp

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề (…’)**

**a. Mục tiêu**: HS xác định được nội dung chính của bài đọc – hiểu dựa trên những ngữ liệu của phần khởi động.

**b. Nội dung**:

**GV**tổ chức cho học sinh nghe bài hát Lòng mẹ và yêu cầu nêu cảm nhận.

**GV** kết nối với nội dung của văn bản thực hành đọc.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới (….’)**

**2.1 Đọc – hiểu văn bản (…’)**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN (7’)** | |
| **Mục tiêu**: [1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6];  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi để tìm hiểu về tác giả, KT đặt câu hỏi để HS tìm hiểu văn bản.  **HS** dựa vào phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà để thảo luận nhóm cặp đôi và trả lời những câu hỏi của GV. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm cặp đôi (theo bàn).  - Yêu cầu HS mở phiếu học tập GV đã giao về nhà trên nhóm zalo (hoặc Padlet) và đổi phiếu cho bạn cùng nhóm để trao đổi, chia sẻ.  C:\Users\Administrator\Downloads\Phiêu lưu Gặp gỡ Học sinh Giới thiệu Đồ hoạ.png  (Phiếu học tập giao về nhà)  ?Trình bày những nét cơ bản về nhà văn Nguyên Hồng  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định**  **HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **GV**:  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau  **2. Tác phẩm**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  a. Đọc  - Hướng dẫn đọc: giọng đọc chậm, tình cảm, lúc thì tha thiết, khẩn khoản, lúc thì chua chát đắng cay; lời bà cô: cay nghiệt, đay đả  - chú ý các từ ngữ, hình ảnh thể hiện cảm xúc của nhân vật “tôi”  b. Yêu cầu HS tiếp tục quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi còn lại:  ? Văn bản “Trong lòng mẹ” viết về đề tài gì?  ? Văn bản được trích dẫn từ tác phẩm nào của nhà văn Nguyên Hồng?  ? Văn bản “Trong lòng mẹ” thuộc thể loại gì?  ? Dựa vào tri thức Ngữ văn hãy cho biết nhân vật chính trong văn bản này là nhân vật nào?  ? Ngôi kể được sử dụng trong văn bản là ngôi kể thứ mấy? Đó là lời kể của ai?  ? Có thể chia văn bản này ra làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**  1. Hướng dẫn HS cách đọc và tóm tắt.  2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:** 1. Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc.  2. Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:**  - Trả lời các câu hỏi của GV.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái đọc tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  BÁO SÀI GÒN GIẢI PHÓNG  - Tên thật: Nguyễn Nguyên Hồng (1918 -1982)  - Trước CM chủ yếu sống ở Hải Phòng trong xóm lao động nghèo.  - Sáng tác nhiều thể loại khác nhau: tiểu thuyết, kí, thơ...  - Được truy tặng giải thưởng HCM về văn học nghệ thuật năm 1986  **2. Tác phẩm**  a) Đọc và tóm tắt  -“*Những ngày thơ ấu*”là tập hồi kí viết về tuổi thơ cay đắng của tác giả  -“*Trong lòng mẹ*” trích chương IV của tập hồi kí  - Đề tài: Tình mẫu tử  - Thể loại: Hồi ký  - Nhân vật chính: bé Hồng.  - Ngôi kể: ngôi thứ nhất (nhân vật xưng “tôi” – chú bé Hồng là người kể chuyện)  - Bố cục: 2 phần  + Phần 1. Từ đầu đến “*hỏi đến chứ*”  -> Cuộc đối thoại giữa bà cô và chú bé Hồng  + Phần 2: Còn lại.  -> Niềm hạnh phúc của chú bé Hồng khi gặp mẹ |
| **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI (....’)** | |
| **1. Cuộc đối thoại giữa bà cô và bé Hồng (.....’)** | |
| **Mục tiêu**: [1]; [2]; [3]; [6]; [7]; [8]  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT khăn phủ bànđể tìm hiểu về cuộc trò chuyện của bé Hồng và bà cô ở đoạn 1.  **HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập và trình bày sản phẩm. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp.  - Giao nhiệm vụ: hoàn thiện phiếu học tập số 2  - Thời gian: 7 phút  **C:\Users\Administrator\Downloads\Phiếu Trong lòng mẹ.png**  Theo em, cuộc đối thoại giữa hai cô cháu xoay quanh chuyện gì?  - Nhân vật bà cô được khắc hoạ rõ nét qua cuộc đối thoại giữa hai cô cháu. Hãy tìm những chi tiết khắc hoạ nhân vật bà cô trong cuộc đối thoại với bé Hồng? Giọng điệu, lời nói, vẻ mặt, cử chỉ, thái độ của bà cô mang ý nghĩa gì?  - Những chi tiết đó thể hiện tâm địa và bản chất của bà cô như thế nào?  - Qua cuộc đối thoại, bé Hồng đã có thái độ, suy nghĩ gì về mẹ mình và người cô ruột ?  \* GV gợi ý bằng cách chiếu lời của người cô và bé Hồng lên màn hình.  *\* Một hôm, cô tôi gọi tôi đến bên, cười hỏi: -Hồng! Mày có muốn vào Thanh Hóa chơi với mợ mày không?*  *\* Cô tôi hỏi luôn, giọng vẫn ngọt: -Sao lại không vào? Mợ mày phát tài lắm, có như dạo trước đâu? Rồi hai con mắt long lanh của cô tôi chằm chặp đưa nhìn tôi.*  *\* Cô tôi liền vỗ vai tôi cười mà nói rằng: -Mày dại quá cứ vào đi, tao chạy cho tiền tàu. Vào mà bắt mợ mày may vá sắm sửa cho và thăm em bé chứ.*  *\* Cô tôi vẫn cứ tươi cười kể các chuyện cho tôi nghe.*  *\* Cô tôi bỗng đổi giọng, lại vỗ vai tôi, nhìn vào mặt tôi, nghiêm nghị:*  *\* Tỏ sự ngậm ngùi thương xót thầy tôi, cô tôi chập chừng nói tiếp: -Mấy lại rằm tháng tám là giỗ đầu cậu mày, mợ mày về dù sao cũng đỡ tủi cho cậu mày, và mày cũng phải có họ, có hàng, người ta hỏi đến chứ?...*  *\* Tưởng đến vẻ mặt rầu rầu và sự hiền từ của mẹ tôi, và nghĩ đến cảnh thiếu thốn một tình thương yêu ấp ủ từng phen làm tôi rớt nước mắt, tôi toan trả lời có. Nhưng, nhận ra những ý nghĩ cay độc trong giọng nói và trên nét mặt khi cười rất kịch của cô tôi kia, tôi cúi đầu không đáp. Vì tôi biết rõ, nhắc đến mẹ tôi, cô tôi chỉ có ý gieo rắc vào đầu óc tôi những hoài nghi để tôi khinh miệt và ruồng rẫy mẹ tôi, một người đàn bà đã bị cái tội là góa chồng, nợ nần cùng túng quá, phải bỏ con cái đi tha hương cầu thực. Nhưng đời nào tình thương yêu và lòng kính mến mẹ tôi lại bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến.... Mặc dầu non một năm ròng mẹ tôi không gửi cho tôi lấy một lá thư, nhắn người thăm tôi lấy một lời và gửi cho tôi lấy một đồng quà. Tôi cũng đã cười đáp lại cô tôi: -Không! Cháu không muốn vào. Cuối năm thế nào mợ cháu Tôi lại im lặng, cúi đầu xuống đất: lòng tôi càng thắt lại, khóe mắt tôi đã cay cay. cũng về.*  *\*Nước mắt tôi đã ròng ròng rớt xuống hai bên mép rồi chan hòa đầm đìa ở cằm và ở cổ. Hai tiếng "em bé" mà cô tôi ngân dài ra thật ngọt, thật rõ, quả nhiên đã xoắn chặt lấy tâm can tôi như ý cô tôi muốn. Nhưng không phải vì thấy mẹ tôi chưa đoạn tang thầy tôi mà đã chửa đẻ với người khác mà tôi có những cảm giác đau đớn ấy. Chỉ vì tôi thương mẹ tôi và căm tức sao mẹ tôi lại vì sợ hãi những thành kiến tàn ác mà xa lìa anh em tôi, để sinh nở một cách giấu giếm trốn tránh như một kẻ giết người lúng túng với con dao vấy máu của nó. Tôi cười dài trong tiếng khóc, hỏi cô tôi:*  *\*  Cô tôi chưa dứt câu, cổ họng tôi đã nghẹn ứ khóc không ra tiếng. Giá những cổ tục đã đày đọa mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ lấy ngay mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kỳ nát vụn mới thôi.*  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau. | \****Nhân vật bé Hồng***  - ***Hoàn cảnh sống***:  + Lớn lên trong một gia đình không hạnh phúc: bố nghiện ngập, mất sớm; gia đình sa sút; mẹ cùng túng quá phải bỏ con cái đi tha hương cầu thực  + Sống trong sự ghẻ lạnh của họ hàng  ->***Bất hạnh, thiếu tình thương yêu***  \* **Cuộc đối thoại giữa bà cô và bé Hồng (**xoay quanh câu chuyện về mẹ bé Hồng đã lâu không về, nghe đồn mẹ lại mới có em bé)   |  |  | | --- | --- | | **Người cô**  **(thái độ/ cử chỉ/ giọng điệu lời nói)** | **Bé Hồng**  **( thái độ/ cử chỉ/ suy nghĩ lời nói)** | | - **Cười hỏi:** “Mày có muốn vào Thanh Hoá chơi với mẹ mày không?”  - **Hỏi bằng giọng vẫn ngọt** “Sao lại không vào...có như dạo trước đâu”, - hai con mắt longlanh..chằm chặp đưa nhìn  - **Vỗ vai, cười mà nói** rằng “Mày dại quá...thăm em bé chứ”  - **Tươi cười kể các chuyện**  - **Đổi giọng nghiêm nghị**, **vỗ vai an ủi cháu, tỏ sự ngậm ngùi thương tiếc** người anh vừa mất...  =>***là người giả tạo, lạnh lùng độc ác, thâm hiểm và tàn nhẫn***  🡪 Là hình ảnh mang ý nghĩa tố cáo những hạng người sống tàn nhẫn, khô héo cả tình máu mủ (không có tình thương) trong XH lúc bấy giờ. ) | - **Lúc đầu**: toan trả lời”có” nhưng rồi lại cúi đầu không đáp mà chỉ cười đáp lại.  *( bé Hồng nhạy cảm, nhận ra sự giả dối trong lời nói của bà c*ô**)**  **- Sau:**  + lòng càng thắt lại, khoé mắt cay cay->Đau xót, phẫn uất  + nước mắt ròng ròng rớt xuống, chan hoà đầm đìa ở cằm, ở cổ ->Sự đau đớn, phẫn uất không kìm nén nổi  + cười dài trong tiếng khóc, cổ họng nghẹn ứ, khóc không ra tiếng-> Sự đau đớn, uất ức lên đến cực điểm  + **suy nghĩ:** “giá những cổ tục đã đày đoạ mẹ.....nát vụn mới thôi”->Sự căm tức đến tột cùng những cổ tục tàn ác đã đày đoạ mẹ  *-* Cười dài trong tiếng khóc  ->nỗi đau xót, tức tưởi cao độ cho người mẹ đang dâng lên trong lòng.  ***🡪 Luôn tin tưởng***, ***thương yêu mẹ sâu sắc, mãnh liệt***  ***🡪 Hiểu rõ bản chất giả tạo, ác độc của người cô*** |   - BPNT: so sánh, lời văn dồn dập với các hình ảnh, các động từ mạnh: *cắn, nhai, nghiến*  ->Khắc hoạ rõ nét tình cảm, cảm xúc của bé Hồng |
| **2. *Niềm hạnh phúc của bé Hồng khi gặp lại mẹ*** | |
| **Mục tiêu**: [[1]; [2]; [3]; [6]; [7]; [8]  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT đặt câu hỏi, KT thảo luận cặp đôi để HS tìm hiểu về cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa bé Hồng và mẹ phần 2.  **HS** làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **Nêu yêu cầu + Chia nhóm cặp đôi + Phát phiếu học tập và giao nhiệm vụ cho các nhóm**  **C:\Users\ADMINI~1\AppData\Local\Temp\Rar$DIa3596.14796\3.png**  - Khi bất ngờ thoáng thấy người ngồi trên xe giống mẹ, bé Hồng có hành động, suy nghĩ gì ?  - Nhận xét về câu văn: “Nếu người ấy quay lại..... ngã gục giữa sa mạc” Câu văn đó diễn tả tâm trạng gì của chú bé Hồng?  - Khi biết đúng là mẹ, thấy mẹ cầm nón vẫy, bé Hồng đã có cử chỉ, hành động gì? Cử chỉ, hành động đó thể hiện tâm trạng gì của chú bé?  - Cảm nhận về mẹ và cảm giác của bé Hồng khi được ngồi trong lòng mẹ, được mẹ ôm ấp được tác giả diễn tả bằng từ ngữ, hình ảnh nào? Đó là cảm giác như thế nào?  *(Nếu như giọt nước mắt khi trả lời bà cô là giọt nước mắt của căm giận, đau đớn, xót xa thì giọt nước mắt lần này là giọt nước mắt của tủi hờn mà hạnh phúc, tức tưởi mà mãn nguyện.)*  (*Cảm giác sung sướng đến cực điểm của đứa con khi được ở trong lòng mẹ được tác giả diễn tả bằng cảm hứng đặc biệt say mê cùng với những rung động hết sức tinh tế. Nó tạo ra một không gian của ánh sáng, của màu sắc và hương thơm vừa lạ lùng, vừa gần gũi.*  *Nó là một thế giới đang bừng nở, hồi sinh, một thế giới dịu dàng, ăm ắp tình mẫu tử. Chú bộ bồng bềnh trụi trong cảm giác vui sướng, rạo rực không mảy may suy nghĩ gì. Những lời cay độc của bà cô, nhũng tủi cực phải trải qua giờ đây bị chỡm đi giữa dũng cảm xúc miờn man ấy. Điều đó làm cho đoạn trích, đặc biệt làphần cuối đó trở thành bài ca chân thành và cảm động về tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt.*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: làm việc cá nhân, làm việc nhóm cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ học tập.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS** - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm cặp đôi khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc, ý kiến nhận xét và sản phẩm của các cặp đôi.  - Qua tình cảm cảu bé Hồng với người mẹ của mình, em rút ra được điều gì cho bản thân ?  Tình mẫu tử là tình cảm thiêng liêng cao quý, chúng ta cần tin tưởng, yêu quý và trân trọng cha mẹ. Cần có những hành động cụ thể quan tâm, yêu thương chăm sóc nhau hàng ngày. | **\*Khi bất ngờ gặp mẹ**  **- Hành động:** đuổi theo, gọi bối rối: Mợ ơi, mợ ơi, mợ ơi...  **- Suy nghĩ:**Đưa ra giả thiết: nếu không phải là mẹ...  🡪cái lầm đó không những làm cho bé Hồng thẹn mà còn tủi cực nữa, khác nào *cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục giữa sa mạc.*  **- Biện pháp tu từ:**so sánh giả định độc đáo, mới lạ (nỗi thất vọng trở thành tuyệt vọng. Hi vọng tột cùng và thất vọng cũng tột cùng)  =>Nỗi khao khát được gặp mẹ cháy bỏng trong tâm can  **\* Khi biết đúng là mẹ**  + đuổi kịp, thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi  + khi trèo lên xe ríu cả chân lại, oà khóc nức nở  =>Niềm hạnh phúc, sung sướng khi được gặp lại mẹ sau bao ngày xa cách  **\* Khi ngồi trong lòng mẹ**  - **Cảm nhận về mẹ:**  + thấy mẹ không còm cõi, xơ xác, gương mặt mẹ vẫn tươi sáng ... hai gò má  + Thấy hơi quần áo, hơi thở của mẹ thơm tho một cách lạ thường.  **- Cảm giác**  + Thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi  bỗng lại mơn man khắp da thịt.  + Phải bé lại và lăn vào lòng mẹ ...mới thấy người **mẹ có một êm dịu vô cùng**  + Không nhớ mẹ đã hỏi và trả lời mẹ những gì, không mảy may nghĩ ngợi gì đến những câu nói của bà cô  **\* NT miêu tả tâm lí sắc sảo, tinh tế và sinh động.**  **=>Cảm giác sung sướng đến cực điểm của đứa con khi được ở trong lòng mẹ.**  **🡺 Học sinh liên hệ bản thân** |
| **III. TỔNG KẾT** | |
| **Mục tiêu**: [2]; [3]  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT đặt câu hỏi để khái quát giá trị nghệ thuật, nội dung và những điều rút ra từ văn bản.  **HS** làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi của giáo viên. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1 Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Nội dung chính của văn bản “Trong lòng mẹ”? | **1. Nghệ thuật**  - Mạch truỵện, mạch cảm xúc tự nhiên, chân thật.  - Kết hợp kể, tả và biểu cảm tạo nên những rung động trong lòng người đọc.  - Khắc hoạ hình tượng nhân vật sinh động, chân thật qua các biện pháp so sánh, liên tưởng độc đáo  **2. Nội dung**  - Kể lại chân thực và cảm động những cay đắng, tủi cực cùng tình yêu thương cháy báng của nhà văn thời thơ ấu đối với người mẹ bất hạnh  ***3. Ý nghĩa:*** Tình mẫu tử là mạch nguồn tình cảm không bao giờ vơi trong tâm hồn con người. chúng ta cần tin tưởng, yêu quý và trân trọng cha mẹ. Cần có những hành động cụ thể quan tâm, yêu thương chăm sóc nhau hàng ngày. |

**2.2 Viết kết nối với đọc (7’)**

**Mục tiêu**:[3]; [8]

**Nội dung***:* Hs viết đoạn văn

**Sản phẩm:**  Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

**Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

Viết đoạn văn (từ 5 – 7 câu) về người cha, người mẹ kính yêu của em

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS viết đoạn văn, GV theo dõi, hỗ trợ (nếu cần).

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS đọc đoạn văn, những HS khác theo dõi, nhận xét…

**B4: Kết luận, nhận định (**GV)

- Nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết: ĐỌC MỞ RỘNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nội dung chính, đặc điểm nghệ thuật: nhân vật, ngôi kể, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ trong các tác phẩm truyện, thơ sưu tầm được.

**2. Năng lực** – Thu thập và tìm hiểu một tác phẩm văn học

**3. Phẩm chất** - Chăm chỉ trong học tập

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi yêu cầu HS ghi ra giấy những bài thơ, truyện về chủ đề: *Yêu thương, cội nguồn* mà em đã sưu tầm được.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

- GV trình chiếu hình ảnh gợi nhắc đến 1 số tác phẩm liên quan đến chủ đề và đặt câu hỏi: ? Kể tên các tác phẩm em sưu tầm được với chủ đề: *Yêu thương cội nguồn.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện đánh giá theo phiếu.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV điều phối:

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận;

+ HS tương tác, nhận xét, đặt câu hỏi.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

**B. HOẠT ĐỘNG CỦNG CỐ, MỞ RỘNG**

**a. Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức đã học, mở rộng thêm vấn đề.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức thảo luận nhóm đôi kết hợp PHT để làm bài tập số 1, gợi mở để HS sáng tạo các sản phẩm liên quan đến chủ đề.

**c. Sản phẩm học tập:** PHT, sản phẩm sáng tạo của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ: PHT để học sinh thảo luận theo hình thức nhóm đôi

**Bài 1:** Điền thông tin về đặc điểm của các tác phẩm em sưu tầm được vớ chủ đề: Yêu thương cội nguồn. (mỗi HS hoàn thiện ít nhất được 1 tác phẩm sưu tầm được).

PHT số 1

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Nhan đề tác phẩm truyện | Nội dung chính | Chủ đề | Ngôi kể và tác dụng | Nhân vật ấn tượng |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nhan đề bài thơ | Thể thơ | Nội dung chính | Chủ đề | Hình ảnh | Vần, nhịp, biện pháp tu từ đặc sắc |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

**Bài 2:** Diễn tả nội dung một tác phẩm em đã đọc và tìm hiểu trong bài *Yêu thương cội nguồn* bằng một hình thức nghệ thuật mà em thích (tranh, truyện tranh, nhạc, kịch bản hoạt cảnh,…)

**Bài 3** Đọc đoạn thơ sau đây và trả lời các câu hỏi:

“Cháu chiến đấu hôm nay,

Vì tình yêu Tổ quốc,

Vì xóm làng thân thuộc,

Bà ơi! Cũng vì bà,

Vì tiếng gà cục tác,

Ổ trứng hồng tuổi thơ.”

(*Tiếng gà trưa*– Xuân Quỳnh)

Câu 1: Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào? Xác định các phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên?

Câu 2: Theo lời thơ trên, “người cháu” đã chiến đấu vì những lí do nào?

Câu 3: Hãy chỉ ra một biện pháp tu từ nổi bật nhất trong đoạn thơ và cho biết hiệu quả diễn đạt của biện pháp tu từ đó?

Câu 4: Viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về thông điệp được gửi gắm qua đoạn thơ.

**Dự kiến sản phẩm**

Câu 1: Thơ 5 chữ. PTBD chính: biểu cảm

Câu 2: - Lí do chiến đấu của “cháu” là: tình yêu Tổ quốc, xóm làng, bà, tiếng gà, ổ trứng hồng tuổi thơ.

Câu 3: Biện pháp tu từ điệp ngữ: “vì” (4 lần)

* Tác dụng:

+ Tạo nhịp điệu nhịp nhàng, hài hòa cho lời thơ.

+ Nhấn mạnh vào lí do chiến đấu của người cháu. Cháu chiến đấu vì những thứ gần gũi, bình dị, thân thương nhất của mình. Tình yêu Tổ quốc xuất phát từ tình yêu những thứ bình dị, gần gũi nhất của mỗi con người.

+ Thái độ yêu quê hương, đất nước. Trân trọng tình cảm gia đình, làng xóm và cả những kỉ niệm tuổi thơ êm đềm.

Câu 4: Thông qua đoạn thơ trên, tác giả muốn gửi gắm thông điệp đó là:

– Đối với mỗi người, yêu đất nước xuất phát từ tình yêu quê hương, làng xóm, người thân và những thứ bình dị xung quanh mình.

– Con người phải có lí tưởng sống, chiến đấu tốt đẹp….

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện đánh giá theo phiếu.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV tổ chức hoạt động

- HS trình bày sản phẩm thảo luận, nhận xét

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**(THỰC HÀNH ĐỌC)**

**a. Mục tiêu:** HS sưu tầm, đọc thuộc, ghi nhớ những bài thơ với chủ đề đã học.

**b. Nội dung:** Gv hướng cho HS thi đọc thơ với chủ đề: *Yêu thương cội nguồn*

**c. Sản phẩm học tập:** Bài đọc của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

+ Chia lớp thành 3 nhóm. Cho các nhóm thi đọc thơ.

+ Yêu cầu: Thơ 4 chữ hoặc 5 chữ viết về tình yêu con người, quê hương, đất nước.

Nhóm nào đọc được nhiều nhất, đọc hay, diễn cảm nhất sẽ giành chiến thắng.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện, luân phiên đọc thuộc thơ một cách diễn cảm.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV tổ chức hoạt động

- HS trình bày sản phẩm thảo luận, nhận xét

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**